

# Nguồn gốc MÃ LAI của dân tộc VIỆT NAM

Bình-nguyên Lộc

Với hơn hai trăm biểu đối chiếu sơ về ngôn ngữ Việt-Mã và nhiều khám phá mới lạ về thượng cổ 5000 năm của dân tộc Việt Nam.

*Không có nền văn hóa nào nên tự thẹn, cũng không có nền văn hóa nào được phép khinh bỉ các nền văn hóa khác. Cũng như các sinh vật, các nhóm dân tộc đã trải qua nhiều giai đoạn tiến triển y hệt như nhau. Đôi khi chỉ nhờ những nguyên nhân địa phương và ngẫu nhiên nó giúp vài dân tộc trội hẳn các dân tộc khác. Nhưng luôn luôn, ở tỷ độ lịch sử, những thành tích ấy, lớn hay nhỏ, dài hay ngắn hạn, không bao giờ ổn cố, và những nền văn minh tàn lụn, không còn làm sao mà đếm cho xiết nữa.*

*Vậy, người ta đi đến cái quan niệm là có một sự đồng đẳng căn bản nào ban đầu, chung cho cả nhân loại, đó là cái thực thể hạ tầng của những chênh lệch phụ thuộc khác.*

*Ở đây, cũng như ở các vấn đề khác, tự ty hoặc tự tôn mặc cảm đều không chính đáng.*

Bác sĩ P. HUARD

*Giáo sư Y khoa Hà Nội (Tiên chiến)*

*(Les chemins du raisonnement et de la logique en E.O.)*

Nguyễn văn:

Aucune culture ne doit avoir honte d'elle-même, pas plus qu'elle ne saurait mépriser les autres. Comme les êtres vivants, les groupes ethniques ont passé par les mêmes phases de développement. Souvent, ce sont des causes locales et fortuites qui ont permis à certains de dépasser franchement les autres. Presque toujours, à l'échelle historique, cette performance, plus ou moins réussie, ou plus ou moins longue, ne s'est jamais définitivement stabilisée et on ne compte plus les civilisations mortes.

On arrive donc à la notion d'une certaine égalité de base, commune à tous les hommes, substrat sous-jacent à une foule d'inégalités.

Le complexe d'infériorité, ici comme ailleurs, n'est donc pas plus justifié que le complexe de supériorité.

## Ngữ vựng riêng của sách này

Về vài danh từ, mỗi sách mỗi dùng khác nhau, nên chúng tôi xin trình ra những danh từ của chúng tôi và đối chiếu với danh từ Pháp, Anh, Mỹ, Đức nếu cần, để khỏi gây ngộ nhận.

Ấn học:	Hindianisme
Trung Hoa học:	Sinologie
Chủng tộc học:	Anthropologie physique và Raciologie (thay cho danh từ <i>Nhân chủng học</i> dùng hồi tiền chiến).
Dân tộc học:	Ethnologie, Ethnographie, Social anthropology - Cultural anthropology - Volkskunde (thay cho danh từ <i>Nhân chủng học</i> tiền chiến).
Nhơn thể tính:	Caractères anthropologiques
Thị tộc:	Clan
Bộ lạc:	Tribu
Chỉ số sọ:	Indice crânien
Dung lượng sọ:	Capacité crânienne
Giả thiết:	Conjecture
Giả thuyết:	Hypothèse
T.K.:	Trước Kitô kỷ nguyên
S.K.:	Sau Kitô kỷ nguyên.

## Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam

### Chương I

#### Ba cuộc sa lầy tinh thần khoa học và ba chứng tích chủ lực

Công trình khảo cứu về địa chất và tiền sử ở Việt Nam đã được các nhà bác học Âu Mỹ làm xong.

Về địa chất, những công trình ấy được ba nhà trí thức Việt Nam là quý vị Trần Kim Thạch, Lê Quang Sáng và Lê Thị Đinh rút tĩa đại cương để soạn thành một quyển sách mà chắc không có quyển nào khác nữa thay cho, tuy quá sơ lược, và có nhiều điểm không đúng lắm, nhưng vẫn giúp người đọc có ý niệm tổng quát và đại khái về đất đai của nước Việt Nam từ thời Hồng hoang đến ngày nay.

Đó là quyển *Lịch sử thành lập đất Việt*, phát hành đầu năm 1971. Đọc quyển sách ấy, ta thấy đất nước ta cổ hàng tỷ năm.

Đất thì đã được biết đích xác, còn người?

Lòng đất của ta xưa đã được biết rõ. Người xưa cũng được biết rõ không kém, nhưng nguồn gốc của tổ tiên ta thì lại chưa thể biết được, vì tổ tiên ta ở nơi khác mà đến (mà tổ tiên của dân tộc nào hiện nay cũng thế cả), hơn thế, chưa từng có nhà bác học nào ráp nối được những cái sọ cổ và đồ vật cổ với sọ của ta và đồ vật của ta, để chỉ người cổ nào là tổ tiên của ta vì trong lòng đất có hàng chục thứ người cổ khác nhau.

Muốn biết tổ tiên ta là ai thì chỉ có một phương pháp độc nhất mà khoa học nhìn nhận, đó là đối chiếu các thứ sọ người cổ và sọ của ta hiện nay.

Đó là công việc của sử gia chứ không phải của nhà khảo tiền sử, nên chi mặc dầu công việc khảo tiền sử đã xong, nhưng cũng chưa ai biết gì hết, vì không có sử gia nào làm cái công việc đối chiếu đó, bởi phải biết rằng đó là phương pháp độc nhất rồi còn phải đo sọ của ta ngày nay nữa, hai yếu tố căn bản ấy, không được các sử gia kể đến.

Sách này có tham vọng là sách chuyên môn, nhưng chúng tôi lại làm một công việc trái lẽ là phổ thông vài điểm về khoa chủng tộc học (Raciologie – Anthropologie physique).

A) Chỉ có cái sọ mới giúp ta phân biệt chủng này với chủng khác.

B) Cái sọ của các chủng, qua 7, 8 ngàn năm không hề thay đổi.

C) Nếu có lai với chủng khác, mà lai một lần hay cứ lai đi lai lại mãi, khoa chủng tộc học cũng biết được vì hai yếu tố chủng tộc cứ tồn tại mãi trong những cái sọ ấy.

Trong khi đó thì dưới lòng đất ta có 7, 8 loại sọ cổ khác chủng với nhau, mà sử gia lại không đo sọ để đối chiếu thì làm thế nào để biết tổ tiên ta là ai vào thời thượng cổ?

Cả các nhà bác học Âu Mỹ làm việc cho ta hồi tiền chiến, cũng đã quên mất phương pháp đó, trừ một người độc nhất là ông Madrolle, nhưng ông ấy chỉ mới đo bề cao,

rồi kết luận ngay, mà chưa kịp đo sọ, hay tưởng rằng không cần đo sọ thì ta không rõ được.

Ta đã tiếp tục công trình của Âu Mỹ đang làm dở dang, cả Bắc lẫn Nam đều có tiếp tục, nhưng ta vẫn bắt kể cái căn bản khoa học đó, tức là ta đã đi tìm giò Ngọ hồi 14 giờ (nói theo Pháp).

Viết thượng cổ sử khác xa với viết sử. Viết sử chỉ cần sử liệu, còn viết thượng cổ sử thì lại cần rất nhiều khoa học khác mà không cần sử liệu, bởi làm gì mà có sử liệu vào thời tổ tiên ta còn ăn lông ở lỗ.

Thế mà các sử gia Pháp Việt lại dùng sử liệu của một nước văn minh trước ta là sử Tàu. Kể ra thì cũng tạm được. Nhưng sử Tàu lại mù mờ, và chỉ có thể dùng được để kiểm soát lại coi nó có ăn khớp với các khoa học căn bản hay không mà thôi.

Phương chi ta chỉ đọc tới *Sử ký* của Tư Mã Thiên rồi thôi. Mà tổ tiên ta thì lâu đời hơn Tư Mã Thiên đến ba ngàn năm, thì làm thế nào mà biết được sự thật.

Chúng tôi làm việc lại, khác hơn tất cả mọi người, là dùng khoa khảo tiền sử và khoa chủng tộc học, mà là khoa khảo tiền sử đúng, chớ không phải là khảo tiền sử dở dang của Colani, Mansy, Golubew, Jansé, những vị ấy đã đưa các sử gia Pháp và ta đến những sai lầm không lối ra từ nửa thế kỷ nay.

Ngày nay, trên thế giới không còn chủng tộc nào là thuần chủng nữa hết. Trên Cao nguyên của ta có những người Thượng mà ta cứ ngỡ là thuần chủng được, vì họ sống biệt lập bộ lạc này với bộ lạc khác, vậy mà họ vẫn bị lai giống đến ba bốn lần rồi.

Xin lấy thí dụ người Bà Na Hơ Roy. Họ là người Bà Na, nhưng họ lại lai giống người Gia Rai. Những người lai giống ấy, lại lai giống một lần nữa với người Chăm. Thế là đã ba lần lai giống. Nhưng chưa chắc cái gốc Bà Na đã là gốc thuần của Bà Na, vì họ lại nói tiếng Cao Miên, chớ ít dùng ngôn ngữ riêng của họ là Mã Lai ngữ.

Còn các thành kiến cho rằng chủng này tài giỏi hơn chủng khác cũng đã bị xô ngã từ lâu rồi.

Như vậy trong thời đại ta, chỉ có vấn đề dân tộc mới là đáng kể, còn vấn đề chủng tộc, chỉ là chuyện phù phiếm.

Tuy nhiên, sử học cứ tiếp tục tìm tòi về các chủng tộc, vì không sao phân biệt được dân tộc này với dân tộc khác bằng các bằng chứng thật khoa học, thì đành phải ngược nguồn về tới chủng tộc vậy, vì chủng tộc thì phân biệt được, bằng một khoa học chính xác, mà ở đây, chúng tôi gọi là Chủng tộc học (*Anthropologie physique*), thay cho danh từ nhân chủng học mà nhiều vị giáo sư đại học cho là không đúng và muốn thay đổi như thế đó.

Dân Việt Nam hơi giống dân Tàu chẳng hạn, mà họ có phải là người Tàu hay chẳng, thì chỉ có chủng tộc học mới trả lời đích xác được.

Ông H. Maspéro, một nhà bác học mà chúng tôi rất khâm phục, đã phát cò đi trước hơn hết để về cái nguồn ấy, vào năm 1918.

Nhưng vào năm đó, khoa khảo tiền sử và khoa chủng tộc học lại làm việc chưa xong ở Á châu, thành thử ông và bao nhiêu ông Tây, ông Tàu, ông Việt khác đều sa lầy, cho tới năm nay là năm 1970.

Ông L. Anrousseau làm lại cái công việc đó năm 1923, nhưng vẫn cứ thất bại.

Có thể hai nhà bác học ấy, thuở đó, chưa biết cái căn bản này cũng nên, là muốn phân biệt các chủng tộc thì chỉ có việc đo sọ mới cho biết rõ cái gì, nên quý vị ấy mới làm việc với chỉ đọc một nguồn tài liệu là cổ sử Tàu.

Năm 1923 thì ông Aurousseau đã bốn năm mươi tuổi rồi, bởi một người Pháp mà leo lên tới địa vị Giáo sư Hán văn cũng phải mất vài mươi năm học hỏi sau cái bằng Tú tài hoặc Cử nhân.

Như vậy, quý vị đó thuộc vào trường phái thế kỷ 19 mà việc đo sọ là căn bản phân biệt chủng tộc, chưa được khoa học xác nhận một cách quả quyết vào thế kỷ 19 đó.

Người Tàu, mãi cho đến nay, viết về nguồn gốc của chính họ, họ còn chưa biết sử dụng chủng tộc học, thì dùng sử Tàu cách đây hai ngàn năm, hẳn là không thể đi tới đâu hết.

Những sai lầm của quý vị đó, mặc dầu là sai lầm, cũng cần được nhắc lại, để so sánh với sự thật trình bày trong sách này, có thể mới rõ trắng đen.

Năm 1923, ông L. Aurousseau, giáo sư Hán văn, đã viết: "Lịch sử của nguồn gốc dân tộc Việt Nam, còn phải viết. Nếu những gì xảy ra sau cuộc chinh phục của Lộ Bác Đức vào năm 111 T.K. có thể dễ dàng sắp xếp, thì trái lại cho tới nay (1923) chưa có công trình nghiên cứu nào về những việc xảy ra trước đó, được thực hiện với tinh thần có tính cách phê phán (Aucun travail critique n'a été effectué).

Và ông L. Aurousseau bắt đầu, ngay sau câu đó. Than ôi, chỉ là hoài công, bởi mặc dầu ông làm công việc ấy với tài liệu lạ của Trung Hoa mà các sử gia ta chưa đọc vào năm đó, nhưng có đủ đâu nào. Ông chỉ hơn các sử gia ta ở cái chỗ có nghĩ đến, và có làm việc cho thượng cổ sử Việt Nam, nhưng sự thành công rất ít vì mặc dầu chúng tôi khen các ông Tây đọc sử Tàu nhiều hơn ta nhưng quả thật họ vẫn đọc chưa đủ.

Hơn thế, sử Tàu lại mơ hồ và xuôi ngược, rất khó dùng nó để tìm ra một sự thật chắc chắn.

Nói về một nước kia, *Sử ký* của Tư Mã Thiên gọi là Âu Lạc, *Hàn thư* của Ban Cố gọi là Tây Âu, rồi ông H. Maspéro lại hiểu lầm chữ nho, tân tạo ra một danh xưng mới nữa là Tây Âu Lạc thì tưởng cũng khó biết đích xác cái nước đó tên thật là gì lắm thay, và nhứt là khó biết vị trí của nó lắm thay!

Ông L. Aurousseau, chắc có ý ám chỉ ông H. Maspéro hơn là ám chỉ các sử gia ta là những người chưa khảo cứu gì cho thượng cổ sử Việt Nam cả vào năm đó, mà chỉ chép lại truyền thuyết dân gian mà thôi. Ông H. Maspéro đã bắt đầu từ năm 1918 nhưng xem ra thì cái tinh thần có tánh cách phê phán của ông L. Aurousseau lại kém hơn của ông H. Maspéro.

Và chính ông L. Arousseau lại đã làm cho rối nùi thêm những gì xảy ra sau năm 114 T.K. mà ông cho là dễ dàng sắp xếp.

Sự thật thì đoạn sử sau Lô Bắc Đức vốn đã rối bòng bong rồi lại bị ông làm rối thêm cái nữa thì chẳng còn ai biết đường đâu mà mò nữa.

Nhưng dầu sao ta cũng phải nhìn nhận rằng những ông H. Maspéro và L. Arousseau đọc cổ sử Trung Hoa nhiều hơn và kỹ hơn các sử gia từ xưa đến thời của các ông và phải nhìn nhận rằng các ông có sáng kiến nghĩ đến công việc tìm nguồn quan trọng đó.

Sử Tàu thiếu sót, mơ hồ và bí hiểm, lắm câu các ông Nghè của ta cũng không hiểu thì các ông Tây làm thế nào mà hiểu được.

Thế nên cả hai ông Tây có công lớn là ông L. Arousseau và ông H. Maspéro đều sa lầy trong cái đầm cổ sử Trung Hoa, không thoát được mà cũng không giúp chúng ta thoáng thấy được sự thật nào đáng kể.

Cuộc sa lầy thứ nhì, xảy ra từ năm 1920, kể từ biến cố Đông Sơn, biến cố ấy lại là một vũng lầy thứ nhì nó làm cho các nhà bác học Âu Á mất đến 50 năm mà cũng chẳng biết được gì hết.

Năm 1920, những cuộc phát kiến ngẫu nhiên của dân chúng ở Đông Sơn tỉnh Thanh Hóa bỗng làm cho các nhà bác học Pháp chú ý đến. Ở đó có nhiều cổ vật lạ lùng bằng đồng thau, không giống của ta hay của Tàu gì hết.

Mấy năm sau, vùng Đông Sơn được xem xét kỹ và từ năm 1925 đến năm 1970, nhiều cuộc khai quật kế tiếp nhau, ở các lưu vực những con sông Nhật Lệ, sông Gianh, sông Cả, sông Mã, sông Đà, sông Nhị, sông Đáy, đã cho giới khảo cứu thu lượm được vô số cổ vật bằng đồng pha.

Nghiên cứu sơ khởi cổ mộ Đông Sơn, người ta thấy người chết có đồ tùy táng nhưt là trống bằng đồng thau khá rục rờ. Đó là người thời xưa được chôn trước hai bà Trưng năm 32 năm, và cái thời xưa ấy, được định tuổi thật đích xác là 1915 tuổi, tính đến năm 1924.

Tuy nhiên, vẫn chưa chắc lắm là người dưới mộ lại là người bốn xứ, theo khoa học thì phải dè dặt như vậy, bởi họ có thể là chiến sĩ của nước ngoài, thua trận chạy sang xứ ta rồi bỏ mình vì chết bệnh hay tử thương trẻ muộn.

Trong lần khai quật thứ nhì tìm được một sườn nhà bằng gỗ và tre đã hóa thạch. Nhà ấy có lối kiến trúc giống như hình nhà khắc nơi trống đồng. Bấy giờ thì đã chắc một trăm phần trăm là người có trống chôn theo, là đồng bào với người có nhà, nghĩa là tất cả đều là người bốn xứ.

Y là người bốn xứ, vắng, nhưng cổ vật mà y có, y mua của nước nào, hay do chính y chế tạo? Người ta phân chất một mảnh đồng thau của cổ vật và thấy đó là một hợp kim đặc biệt, chắc chắn của bốn xứ, bởi nó khác hẳn hợp kim của Tàu hay của Ấn Độ, của Tây phương thời đó.

Hợp kim đồng thau (bronze) của Tàu, đã được tả rõ trong cổ thư Chu Lễ, còn hợp kim của Hy Lạp, La Mã, Ấn Độ cũng được tả rõ trong cổ thư của các dân tộc ấy, nhờ thế mà so sánh, đối chiếu được.

Thế là đã rõ. Người ta vừa phát kiến được một trung tâm của một nền văn minh mới lạ.

Trước đó một trăm năm, người ta đã tìm được trống ở nhiều nơi tại Đông Nam Á, kể cả ở Việt Nam nữa, nhưng người ta chưa hề biết chắc một trung tâm nào cả của nền văn minh đó, nó nằm trong một khu vực rộng lớn từ sông Dương Tử cho đến quần đảo Nam Dương, vì trống tìm thấy, nằm trên mặt đất, có thể ở nơi khác lưu lạc tới, lại không có những món khác như cổ tiền chẳng hạn để chứng minh tuổi và nguồn gốc của trống, nhất là không có ngôi nhà cổ hóa thạch nói trên.

Đông Sơn là trung tâm chắc chắn được phát kiến lần đầu, vì không phải chỉ có trống, mà có bao nhiêu vật khác nữa, đồng tấu cách, và vì đó là cổ vật không bị di chuyển bởi đó là đồ đào được trong cổ mộ, người ta biết chắc rằng nó vẫn nằm tại đó từ xưa đến nay, chớ không phải lượm được trên mặt đất, hay đào thấy nằm riêng rẽ một mình như bao nhiêu trống đã tìm thấy, mà nghĩ rằng nó lưu lạc, không thể biết chắc từ đâu trôi dạt đến nơi lượm được.

Nhưng nguồn gốc của dân tộc Việt Nam làm thế nào mà nằm ở gần giai đoạn Đông Sơn được kia chớ, nếu quả người Đông Sơn là tổ tiên của ta (nhưng các nhà bác học Âu Mỹ chưa nhìn nhận, chỉ trừ có ông O. Jansé là nhìn nhận mà không chứng minh được).

Đó là thời mà dân ấy đã có vua chúa, có Lạc Tướng, Lạc Hầu, đã biết kỹ thuật đồng pha, và giỏi nghệ thuật chế tạo đồ đồng pha, tức đã văn minh rồi.

Nguồn gốc của dân tộc phải cổ hơn giai đoạn ấy hai ba ngàn năm, vào thời mà ta còn sống dưới kỹ thuật cưa thạch và tân thạch kia.

Sự thật sơ đẳng ấy, không hiểu vì lý do nào mà cho đến cả các nhà bác học Âu Mỹ cũng không biết mà tất cả đều sa lầy tại đó, cứ cố tìm nguồn gốc dân tộc ta ở đó mà thôi, nó làm cho ta mất thì giờ đến nửa thế kỷ (1920-1970).

Giáo sư Kim Định đã mắng bọn nghiên cứu Đông Sơn bằng một giọng tự thị: "Thế là giới tân học đã ùa theo mấy nhà khảo cổ, nghĩa là căn cứ trên mấy nắm xương của người Mã Lai Á, Anh Đô Nê-Diêng đi nhận họ máu hàng dọc chủng tộc, lẫn hàng ngang văn hóa với mấy thổ dân này. Văn minh Mã Lai Á là cái chi, nó nói lên được những gì với tâm hồn người Việt? Nó giải nghĩa thế nào cả một khối văn chương bình dân..."

Thấy rõ là giáo sư đại học Kim Định chưa học khoa khảo tiền sử về Á Đông mà chỉ học vụ Đông Sơn là một cuộc sa lầy, nên ông mới quả quyết rằng ta không phải là Mã Lai mà đích thị là Tàu. Theo giáo sư thì ta lập ra nền văn minh Tàu ở bên Tàu rồi bị người Tàu cướp đi nói là của họ. Ta văn minh lắm, chớ không kém như mấy thổ dân đó mà ông gọi là Mã Lai Á = Malaisia (!)



(Vói danh xưng Mã Lai Á, thật không biết giáo sư muốn chỉ ai, vì Mã Lai là một chủng tộc rất lớn, còn Mã Lai Á là một quốc gia nhỏ xíu, hơn thế các nhà bác học nghiên cứu Đông Sơn cũng chẳng bao giờ thốt ra ba tiếng Mã Lai Á cả.)

Còn chủng Mã Lai thì chính những nhà bác học đó phủ nhận rằng dân Việt Nam là hậu duệ của chủng Mã Lai Đông Sơn, không hiểu do đâu mà bao nhiêu trí thức ta đều cho rằng họ bảo rằng dân ta là Mã Lai.

Đó là một bí mật mà chúng tôi tìm mãi mà không vỡ lẽ.

Vậy xin mời giáo sư học khoa khảo tiền sử đúng, chớ không phải sai như bọn học về Đông Sơn và ông sẽ thấy cái gì khác hơn ông tưởng tượng nhiều lắm.

Ông sẽ thấy văn bình dân ta đây đầy tiếng Mã Lai mà ông không hiểu.

Thí dụ:

*Tua Rua đã xé ngang đầu*

*Em còn đứng đó làm giàu cho cha.*

Tua Rua là tiếng Mã Lai đó ông ạ.

Ông không biết rằng thành ngữ "*Tay chơn bộ hạ*" của ta là thành ngữ Mã Lai, họ nói *Tay cẳng bộ hạ* đấy. Ông không biết:

*Bắc thang lên hỏi ông Trời*

*Thang* = Tangga (Mã Lai), và *Trời* cũng là tiếng Mã Lai mà cả Mã Lai và Phù Tang Nhứt Bản cũng còn dùng hiện nay.

Dưới đây là một câu 8 từ, gồm toàn từ Mã Lai:

*Hắn lấy ná (nỏ) bắn chim làm rụng lá*

Không có lấy một danh từ, động từ nào mà là danh từ, động từ của chúng Viêm, hay chủng Hoa trong đó hết. Toàn là tiếng Mã Lai.

Và điều chắc chắn hơn hết là ông không biết Mã Lai chủng phát tích tại đâu, nên tưởng rằng nó phát tích tại Mã Lai Á (Malaisie) nên khuyên ta đừng tìm nguồn gốc dân tộc ở phương Nam. Nó đã tự xưng là Mã Lai cách đây 5 ngàn năm tại Hoa Bắc và Ấn Độ, được Tàu phiên âm là Ló (Lạc) nhưng với bộ *Mã*, tức *Mạ Ló*, còn Aryen thì phiên âm là *Mlech'a*.

Ông bảo bọn cựu học quá tin vào truyền thuyết, còn tân học không tin gì cả. Ông sẽ thấy rằng bọn tân học tin toán học và về thượng cổ sử Việt Nam, họ sẽ viết đúng  $2 + 2 = 4$ , y như toán học, chớ không ghép đủ thứ tài liệu hỗn loạn để mà đoán mò.

Nhưng bọn nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn bị ông mắng thật là đáng đời, đã bảo nguồn gốc của một dân tộc không làm sao mà nằm tại giai đoạn đồng pha được, mà phải nằm trước giai đoạn tân thạch lặn kia.

Hơn thế, đồ vật không cho ta biết đích xác được cái gì, mà chỉ có sự đối chiếu sọ của dân ta ngày nay với sọ của đủ thứ người cổ đào được ở Bắc Việt mới giúp ta biết

được ta là hậu duệ của chủng nào mà các nhà bác học Âu Mỹ ở Đông Sơn lại không có ông nào nghĩ đến sự thật căn bản đó hết.

Nói ông L. Arousseau thuộc trường phái thế kỷ XIX, các nhà bác học Đông Sơn trẻ hơn, nhưng vẫn không hơn L. Arousseau một gờ ram.

\*

\* \*

Biển cổ Đông Sơn lại xô thiên hạ vào một cuộc sa lầy phụ thuộc mà chúng tôi tạm đặt tên là cuộc sa lầy II bis. Trước hết vì một danh từ bác học mà cả một số nhà bác học Âu Mỹ cũng không hiểu. Đó là danh xưng Indonésien.

Nghiên cứu hình khắc ở các cổ vật đó, và kiến trúc của ngôi nhà đào được, biết rõ tánh cách của nó, người ta kết luận rằng người chôn dưới mồ thuộc một chủng tộc mà danh xưng khá bí hiểm đối với người Việt, danh xưng đó là danh xưng Indonésien.

\*

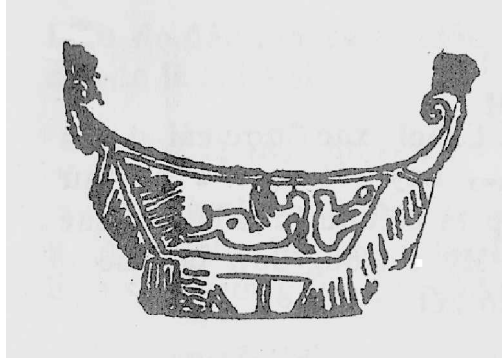
\* \*

Các nhà bác học vẫn tiếp tục gọi họ là người Anh-Đô-Nê-Diêng, nền văn minh của họ là nền văn minh Đông Sơn, mặc dầu nhiều dân tộc khác cũng có cổ vật cùng tách cách, trong một địa bàn rất lớn ở Đông Nam Á, từ Hoa Nam, cho tới Nam Dương quần đảo. Nếu đó là duy vật Việt Nam đi chằng nữa thì nền văn minh đó không riêng gì là của Việt Nam.

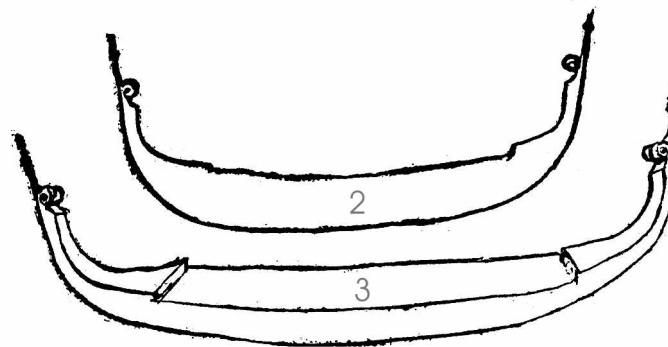
Vì đó là công việc khoa học, mà khoa học thì phải chính xác, mà một yếu tố chính xác là sự chính danh, thành thử các nhà bác học đó bắt buộc phải dùng một thuật ngữ quá chuyên môn là danh xưng Anh-Đô-Nê-Diêng.

Anh-Đô-Nê-Diêng, một thuật ngữ của khoa chủng tộc học (raciologie) chỉ có nghĩa là *Cổ Mã Lai*, chớ không có gì lạ. Là nhà chuyên môn, các nhà bác học ấy phải dùng danh từ chuyên môn, mặc dầu đã có danh từ thường. Danh từ thường là Proto-Malais.

(Quyển sách nhỏ này có tham vọng là sách chuyên môn, nhưng chúng tôi dùng danh từ thường là Cổ Mã Lai, chớ không nói Anh-Đô-Nê-Diêng là một danh từ mà đại đa số dân ta chưa quen). Danh xưng Anh-Đô-Nê-Diêng được chúng tôi dịch ra là Cổ Mã Lai, chớ nhiều học giả khác còn dịch khác nữa, chẳng hạn ông Phạm Việt Châu dịch là Cựu Mã Lai, có ông khác lại dịch là Tiên Mã Lai. (Sau sẽ có thống nhất, và Cổ hay Cựu, hay Tiên gì, còn tùy ở đa số nhà chuyên môn).



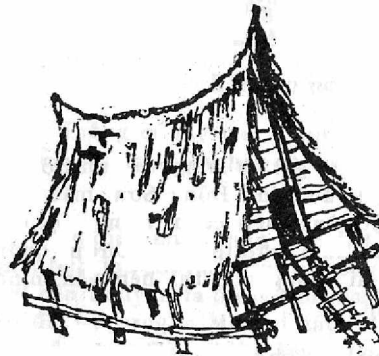
1. Hình nhà khắc ở trống đồng Đông Sơn, nóc oằn, mái túm.



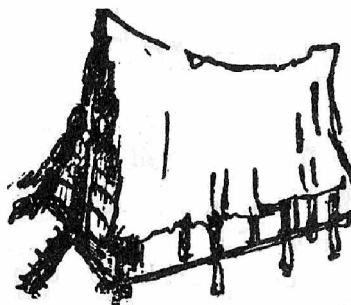
2. Hình thuyền khắc ở bình đồng Đào Thịnh.

3. Thuyền của người Mã Lai Nam Dương hiện kim.

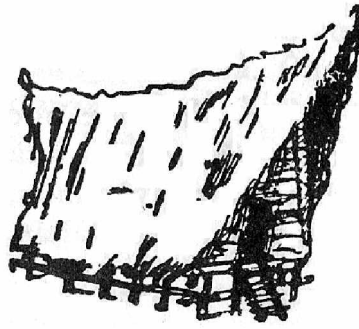
Hai đầu nóc nhà và hai đầu của hai thứ thuyền giống nhau.



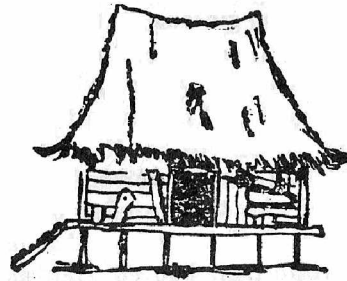
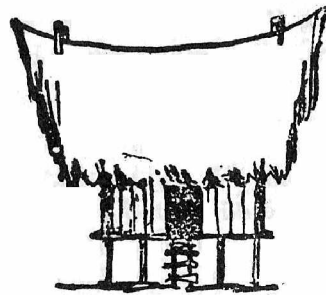
4. Nếp nhà hóa thạch đào được ở Đông Sơn, cổ gần hai ngàn năm, được ông V. Goloubew hồi phục lại theo tưởng tượng với vật liệu chừa mục nát. Mái nhà xuống tới sàn tre nên phải trở cửa vách hồi.



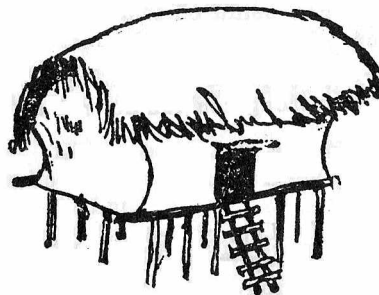
5. Ngôi nhà ấy nhìn thấy dưới một khía cạnh khác.



6. Một nếp nhà của người Mã Lai sơn cước hiện kim ở Nam Dương, mái cũng xuống tới sàn và cửa cũng trở vách hồi, cả ba nếp đều nóc oằn và mái túm.



7. Nhà của người Mã Lai hiện kim, tiến bộ hơn và mái không xuống tới sàn, nên trở cửa dưới mái được.  
8. Nhà của người Mã Lai hiện kim, y như nhà số 7, cả hai đều còn nóc oằn, nhưng ở đây có thêm điểm mái cong quót lên, chớ không túm lại.



9. Một kiểu nhà tranh của Nhật Bản (gốc Mã Lai) nhưng nóc nhà mô chớ không thẳng. Mô là biến dạng của oằn, hễ không oằn thì mô, chớ không ưa thẳng.  
10. Kiểu cổng nhà điển hình của Nhật Bản (gốc Mã Lai) nhại theo nóc nhà oằn của chủng tộc. Tóm lại tách cách Mã Lai thật rõ rệt nơi các cổ vật Đông Sơn.

Danh xưng quá chuyên môn Indonésien, chẳng những làm rối trí người thường mà còn làm cho cả đến học giả lầm lẫn nữa.

Nhưng chẳng những ta lầm lẫn về cái danh xưng gây ngộ nhận là danh xưng Indonésien, ta lại còn lầm lẫn về một danh xưng khác, không có gây ngộ nhận, đó là danh xưng Mélanésien. Thế nên những sách khảo cứu của ta rất xuôi ngược về mặt chủng tộc học. Ở cái điểm ấy, ta hiểu lầm người Âu châu, rồi ta lại hiểu lầm ta.

Một vài học giả của ta lầm lẫn chủng *Mã Lai* với chủng *Mê-la-nê-diêng* (Mélanésien) chẳng hạn như sử gia Nguyễn Phương và học giả Lê Văn Siêu, có lẽ vì từ *Mã Lai* hơi giống từ *Mê La* về giọng đọc.

Trong *Việt Nam thời khai sinh*, trang 46, sử gia họ Nguyễn viết: “*Như thế chủ trương rằng giống Mê-la-nê đã từ miền biển du nhập vào vùng cổ Việt, không phải là không có lý. Chẳng những họ đã từ đại dương tràn vào cổ Việt, mà còn tràn vào cả lục địa Trung Hoa nữa. Ngày nay sử sách Trung Quốc vẫn nói rằng “Mã Lai chủng” đã chiếm nước đó trước khi nòi giống Trung Hoa bắt đầu xuất hiện*”.

Câu trên đây cho thấy rõ rằng sử gia Nguyễn Phương hiểu rằng Mê-la-nê = Mã Lai chủng.

Nhà học giả Lê Văn Siêu, trong *Việt Nam văn minh sử cương*, trang 17 viết: “*Căn cứ vào những đồ đá trau để dấu vết ở Hòa Bình và Bắc Trung Việt, Lào, Thái Lan, Mã Lai, và những xương sọ người đào thấy ở hang động Hòa Bình và Bắc Sơn có nhiều triệu chứng đó là giống Úc châu và Mã Lai (Papou-Mélanésien), thì nhiều nhà bác học lại cho rằng giống dân ở hải đảo Mã Lai đã di cư lên đất liền*”.

Sự sai lầm, trong câu trên đây, không phải ở lời phỏng đoán của các nhà bác học được ám chỉ đến trong câu văn đó, mà là ở lỗi dịch:

Papou Mélanésien = Úc Mã Lai

Danh xưng Mê-La-Nê-Diêng gốc Hy Lạp, chỉ có thể dịch là hắc-nhân-đảo (Homme noir des îles), nhưng vì không đúng nên không ai dịch làm gì. Đó là dân thuộc chủng da đen hoàn toàn và tóc quăn quíu, còn chủng Indonésien tức Mã Lai không thuộc chủng da đen còn tóc thì dợn sóng chớ không quăn quíu.

Về mặt chủng tộc học, Mélanésien chỉ có một nghĩa: đó là Mê-la-nê-diêng, không dịch ra tiếng Việt được, ngoài ra, không có nghĩa nào khác hơn, nhứt là không có nghĩa là Mã Lai bao giờ.

Cũng cứ về mặt chủng tộc học thì Indonésien (Anh-Đô-Nê-Diêng) cũng có một nghĩa duy nhứt: đó là Proto Malais, nên dịch là *Cổ Mã Lai* hơn là *Tiên* hay *Cựu* Mã Lai như đã có người dịch. *Cổ*, ở đây là có vóc dáng văn hóa thời kỳ đầu của một chủng tộc, chớ không phải là sống vào thời cổ, *Tiên* Mã không ổn, bởi chưa có Hậu thì không thể nói đến *Tiên*. *Cựu* có thể, không có *Tân* thì không nên nói đến *Cựu*.

Một nhà chủng tộc học Mỹ cho biết rằng hiện nay những người mà ta gọi là *Kim Mã Lai* đều là người đã bị lai giống với các chủng khác hết cả rồi, mà có đến 70 nhóm bị lai giống khác nhau, lai Tàu, lai Ấn, lai da trắng, nhưng lai Tàu là phần đông.

Người Kim Mã Lai thuần chủng chỉ có thể thấy được lần cuối cùng vào thế kỷ thứ 10 S.K. mà thôi.

Nhưng những Mã Lai thuần chủng hiện còn sống sót, đang sống vào thời kỳ cổ, tức họ là Cổ Mã Lai (Indonésien) đấy.

Tuy nhiên, theo riêng chúng tôi thì còn người Kim Mã Lai thật sự. Theo chúng tôi thì người Gia Rai ở Cao nguyên ta là Kim Mã Lai. Ngôn ngữ của họ rất thuần Mã Lai, họ có kết hôn với các dân tộc khác, nhưng cũng là Mã Lai với nhau cả, như Chăm chẳng hạn, chớ không phải là khác chủng. Và họ không sống theo Cổ Mã Lai vì họ đi lính cho Tây rất đông trước năm 1945, họ biết mặc Âu phục, biết địa lý, biết đò biết đũa, chớ không phải chỉ biết có cái địa bàn nhỏ hẹp của họ, và tuy cứ giữ phong tục của họ, họ vẫn biết có nhiều dân khác có phong tục khác, tôn giáo khác, tóm lại họ không sống vào thời kỳ cổ sơ, mà vóc dáng của họ cũng không cổ sơ. Ta nhìn vào một anh địa phương quân ở Phú Bổn, ta cứ ngỡ anh ấy là người Việt Nam.

Nhưng họ quá ít, nên không ai biết họ, trừ các nhà chủng tộc học có làm việc ở “Đông Pháp”, nên thế giới kể như không còn Kim Mã Lai.

Nhưng Cổ Mã Lai thì lại còn nguyên vẹn ở khắp Đông Nam Á, trong núi rừng.

Thật ra thì danh xưng Indonésien rắc rối này có hai nghĩa, một nghĩa thông thường, có ghi trong các từ điển ngôn ngữ: đó là dân của xứ Indonésien (Nam Dương quần đảo).

Nhưng trong khoa chủng tộc học, nó lại mang nghĩa khác là Cổ Mã Lai. Ngộ nhận xảy ra vì hai nghĩa khác nhau đó.

Và vài ông Tây kém khoa học lại nói đơn sơ rằng Anh-Đô-Nê-Diêng là người “Mọi” trên cao nguyên.

Họ nói đúng, nhưng không rành mạch khiến ta ngộ nhận và giãy nảy lên, chối bậy rằng tổ tiên ta là “Mọi”.

Nhưng thử hỏi có tổ tiên của dân tộc nào lại không trải qua thời kỳ dã man, rồi thời kỳ kém cõi hay không chớ?

Các ông Tây đó là các ông Tây dốt khoa chủng tộc học, chẳng biết Indonésien là gì hết, nghe các ông Tây không dốt, nói người Thượng là Indonésiens, các ông bèn hiểu rằng Indonésiens = Mọi.

Nhưng người Thượng, y hệt như người Jarai, là Kim Mã Lai đấy, vì họ đã tiến đến thời đại sắt, còn Cổ Mã Lai khi di cư đến Đông Nam Á chỉ mới tiến tới thời đại tân thạch thượng.

Vậy các ông Tây không dốt vẫn ăn nói hàm hồ. Không phải hễ biết mặc Âu phục mới được gọi là Kim Mã Lai mà hễ bước sang thời đại sắt rồi thì phải được xem là Kim Mã Lai.

Dụng cụ sắt của người Thượng, không phải là được chế tạo bằng sắt mà họ mua được của Ai Lao, Cao Miên hay Việt Nam đâu. Người Sơ Đăng tự lực đi tìm quặng sắt trong các núi của tỉnh Kontum rồi nấu thành sắt, rồi luyện sắt đó thành thép, một công việc mà chính người Việt Nam đã quên mất rồi vì ta đã quen mua sắt và thép trên thị trường thế giới từ một trăm năm nay.

Nếu vì một lý do nào mà ta bị cô lập, không hiểu ta còn nhớ kỹ thuật nấu quặng nữa hay chẳng? Nhưng người Sơ Đẳng thì lại rất thạo kỹ thuật đó.

Nhưng vì nông nghiệp của người Thượng còn ở giai đoạn hỏa canh và luân canh nên tạm gọi họ là Cổ Mã Lai cũng chẳng sao, nhưng xin đừng tưởng rằng Anh-Đô-Nê-Diêng = Mọi.

Cổ Mã Lai đã là tên của một chủng tộc rồi thì còn đặt tên nào khác cho họ nữa làm gì? Và Mọi là gì? Danh xưng Mọi hoàn toàn vô nghĩa về khoa chủng tộc học mà tưởng sách khoa học không được phép dùng.

Trong ngôn ngữ Việt Nam, Mọi tương đương với *Man di* của Tàu, với *Yuavana* của Phạn ngữ, chỉ bất kỳ chủng nào mà còn kém mở mang đến mức chưa biết cất nhà. Như thế thì Papou, Négrito gì cũng là Mọi được hết, chớ không riêng chủng nào, còn riêng chủng Mã Lai thì bọn Cổ vẫn biết cất nhà.

Người thường muốn dùng danh từ bậy bạ thế nào cũng được, chớ khoa học thì không. Khoa học phải gọi đúng tên chủng tộc, gọi đúng tên dân tộc.

Như đã nói, các ông Tây không dốt khoa học, gọi người Thượng là Cổ Mã Lai, chớ không bao giờ gọi họ là Mọi. Nhưng khi họ gọi người Đông Sơn là Cổ Mã Lai thì không được ổn lắm. Theo *Hậu Hán thư* thì người Lạc Việt ở vùng Giao Chỉ làm ruộng đã giỏi có dư thóc bán cho Hợp Phố và Cửu Chân. Thế nghĩa là họ đã biết cày, không còn làm hỏa canh và luân canh nữa thì họ là Kim Mã Lai đứt đi rồi.

Người Thượng kia mà chúng tôi còn cho là Kim Mã Lai, huống hồ gì là người Lạc Việt Đông Sơn.

Tuy nói thế chớ biên giới giữa Cổ và Kim cũng không có gì rõ rệt cho lắm. Hiện nay ở Phi Luật Tân có ba nhóm người mà khoa học rất bối rối, không biết sắp họ vào hạng Cổ hay Kim. Chính vì tình trạng hỏa canh và luân canh của họ. Đó là ba nhóm Igorotes, Ifugaos và Bontok mà ông O. Jansé cho là đồng bào của hai bà Trưng di cư sang, sau cuộc tàn sát của Mã Viện (nhưng ông O. Jansé dù có chuyên môn nhưng nói vô bằng chứng).

Nhưng như đã nói, không có biên giới rõ rệt thì ta cứ tạm xem người Đông Sơn là Anh-Đô-Nê-Diêng vậy, cho đứt khoát vấn đề, trong giai đoạn này cái đã, rồi sẽ hay.

Cả hai nghĩa của danh xưng Indonésien đều sai về mặt khoa học. Thế mới chết!

Trong danh xưng Anh-Đô-Nê-Diêng nghĩa thứ nhất, tức nghĩa thông thường, có ngữ căn Ấn Độ. Mà ngữ căn ấy sai. Ở xứ đó, không có người dân Ấn Độ nào hết, hay chỉ có leo heo như Sài Gòn vậy thôi, họ là Ấn kiều chớ không phải dân.

Số là khi người Âu châu tới đó, thấy dân xứ ấy theo văn hóa Ấn Độ, họ bèn gọi gộp xứ ấy và nước Ấn Độ là "Những xứ Ấn Độ" (Les Indes).

Về sau, biết rõ hơn, họ phân biệt xứ đó (Nam Dương) với Ấn Độ, nhưng vẫn cứ còn giữ ngữ căn Ấn Độ và gọi Nam Dương là Indonésien tức cứ còn vô lý hoài.

Nhưng nếu chỉ có một nghĩa ấy mà thôi, thì có sai cũng chẳng sao. Phiền lắm là còn một nghĩa thứ nhì nó khiến cho cả một số học giả Âu châu cũng lầm vì cái ngữ căn Ấn Độ sai đó.

Nghĩa thứ nhì, như đã nói, là Cổ Mã Lai.

Người đặt danh xưng với cái nghĩa đầu, đã đặt sai như đã giải thích trên đây. Rồi nhà bác học nào đó, đã cho nó cái nghĩa thứ nhì mà giới bác học đã trót nhìn nhận, lại không mát tay chút nào hết.

Đa số dân ở xứ Nam Dương thuộc chủng Mã Lai, trong đó có cả Cổ Mã Lai và Kim Mã Lai.

Khi muốn tìm một danh xưng chỉ các nhóm Cổ Mã Lai thì nhà bác học khuyết danh ấy nghĩ ngay đến cái xứ mà họ gọi sai là Indonésie, và cho danh xưng Indonésien cái nghĩa là Cổ Mã Lai. Ông ấy đã từ một danh xưng sai, tạo ra một thuật ngữ chuyên môn sai.

Đành rằng khó lòng mà khi đặt ra danh từ mới, một nhà khoa học không nghĩ đến cái gì, trường hợp đặt tên đầu thì họ nghĩ đến tên xứ đó. Ở đây hẳn ông đó đã nghĩ đến xứ Indonésie, ở đó có rất đông dân Cổ Mã Lai. Nhưng đó là một ý nghĩ phát phơ, không có tánh cách đồng hóa xứ và dân, và nếu ông ấy giàu tưởng tượng, ông ấy đã thấy rằng người ta sẽ ngộ nhận bởi ở Việt Nam cũng có Cổ Mã Lai, ở Cao Miên, ở Thái Lan, Miến Điện, Trung Hoa cũng thế thì ông ấy nên tránh cho người ta sự ngộ nhận có thể xảy ra, không nên dùng danh xưng sai có sẵn đó với một nghĩa thứ nhì nữa, nghĩa thứ nhứt vốn đã sai rồi.

Nhưng cái nghĩa khoa học của danh xưng Indonésien đã trót có từ lâu, đã được trước bạ khắp thế giới khoa học thì ta cũng đành phải hiểu đúng như giới khoa học đã hiểu, không mong sửa lại được, phương chi những người lầm, không phải vì muốn sửa đổi, mà chỉ lầm bởi ngộ nhận thôi.

Giáo sư Lê Văn Hảo lại có một định nghĩa khác, không biết vì ngộ nhận hay vì muốn dịch khác đi. Nhưng ta nên xem như là giáo sư không có ngộ nhận, chỉ dịch khác mà thôi.

Trong quyển *Hành trình vào dân tộc học* giáo sư Lê Văn Hảo viết: "Chúng Anh-Đô-Nê-Diêng là chủng tộc Ấn Độ Nam Dương", ý giáo sư muốn nói đó là dân bốn xứ của quần đảo Nam Dương, hay Ấn Độ nào ở đó? Sự thật thì chẳng hề có dân Ấn Độ ở đó bao giờ, còn dân bốn xứ ở đó mà thuộc hạng cổ, thì ở đâu cũng có cả, không riêng gì ở đó.

Lại còn một sự lầm lẫn rối bòng bong nữa, do Anh ngữ tạo ra. Trong Anh ngữ có hai danh xưng *Indonésia* và *Indonésian*.

Indonésia là tên nước, cái nước Nam Dương ngày nay. Còn *Indonésian* mới là tên chủng tộc tương đương với danh xưng Indonésien của Pháp. Sử gia Phạm Văn Sơn đã lầm lẫn hai danh xưng đó, nó chỉ khác nhau có một chữ *n* sau cùng.

Trong *Việt sử tân biên*, ở trang 54, sử gia Phạm Văn Sơn có viết: "Một số trí thức Việt Nam cũng thắc mắc rằng người Việt ta nay chưa chắc đã là một nhóm trong gia đình



Bách Việt. Nếu chúng tôi không lầm, các vị đó đã chịu ảnh hưởng của ý kiến do cô M. Colani, H. Mansuy, Patte, Parmentier, cùng một số học giả Thụy Điển, Hòa Lan, chủ trương rằng thánh tổ cơ bản của dân tộc Việt Nam chính là thánh tổ “Indonésia”.

Ý sử gia muốn nói: “Thánh tổ Indonésian” đấy vì sử gia đang nói đến chúng tộc chó không hề nói đến xứ nào hết, mà các ông Tây bà đầm mà sử gia ám chỉ đến cũng chỉ nói đến chúng Indonésian mà không hề nói đến xứ Indonésia, vì đã bảo người Cổ Mã Lai có mặt khắp nơi chó không riêng gì ở nước Indonésia.

Đó là nói về sự lầm lẫn danh xưng chó “bên trong còn lằm điều hay”, vì:

#### Indonésian – Bách Việt

đó, chó không phải là hai thứ khác nhau đâu. Đó là nội dung của quyển sách này với hàng trăm chứng tích cụ thể và khoa học.

Kể cả một số nhà học giả Âu châu cũng chẳng biết Indonésian là gì, nên họ mới lập ra cái thuyết dân Hoa Nam tràn xuống lưu vực Hồng Hà và đồng hóa dân Indonésian ở đó, rồi biến thành dân Việt Nam.

Thuyết này được ông Hoàng Trọng Miên (V.N.V.H.T.T.) lập lại.

Người Hoa Nam thuở xưa đích thị là Cổ Mã Lai, như chúng tôi sẽ chứng minh ở những chương sau, và khi dân ở lưu vực Hồng Hà cũng là Cổ Mã Lai thì không thể có sự kiện nhóm Mã Lai này “đồng hóa” nhóm Mã Lai khác.

Hơn thế, khoa khảo tiền sử đã cho thấy rằng người Indonésien ở lưu vực Hồng Hà chỉ mới tới đó từ sau, chó không phải là dân thổ trước nằm sẵn đó để đợi dân Hoa Nam tới để mà bị “đồng hóa”.

Nhà bác học G. Cocardès nguyên Viện trưởng Viện Viễn Đông bác cổ cũng thấy nhiều nhà học giả Âu Mỹ dốt, nên ông đã nhiều lần nói khéo cho họ biết rằng Indonésien là Cổ Mã Lai, đừng có hiểu bậy bạ mà làm rối ren vấn đề. Nhưng ông G. Cocardès rất khiêm tốn, ăn nói rất kín đáo, chó không hò hét vô lễ như chúng tôi.

Sở dĩ chúng tôi có thái độ vô lễ là vì phải hò hét như vậy thiên hạ mới hết ngộ nhận chó nói thâm như ông G. Cocardès thì các nhà bác học Âu Mỹ cứ tiếp tục ăn nói hồ đồ hỗn độn rối trí người đọc, chẳng ai hiểu gì cả.

Chúng tôi sẽ bị mắng, bị ghét, nhưng chúng tôi tự hy sinh, cốt làm ổn định một tình trạng loạn xà ngầu.

Nhưng ông G. Cocardès đã biết Indonésien rồi, đã chinh thiên hạ rồi, vẫn không biết sự thật lịch sử vì rồi ông viết: “Dân Việt Nam tràn đến, đuổi dân Anh-Đô-Nê-Diêng lên Cao nguyên”.

Ấy, họ là ai, ở đâu tràn đến hỏi ông G. Cocardès? Nói như sử gia Nguyễn Phương mà còn nghe được: Người Tàu tràn đến, đuổi người Indonésien đi mất, chó nói như ông thì bí mật quá. Dân Việt Nam thuộc chủng nào mà đuổi Cổ Mã Lai đi?

Ngữ căn Anh-Đô này còn gây ngộ nhận ở nhiều nơi khác, rất là buồn cười.

Thuở xưa ông Kít Tốp Cô Long đi tìm Ấn Độ về ngã hướng Tây. Ông gặp Châu Mỹ với dân thổ trước ở đó và ông ngỡ đã gặp dân Ấn Độ, nên ông đặt tên họ là Indien.

Báo hại mấy trăm năm sau, khi Âu Châu biết Ấn Độ thật sự rồi thì phải bày ra danh xưng thứ nhì là Hindou để chỉ người Ấn Độ. Họ đã lầm, nhưng rồi đã xoay xở để không gây ngộ nhận.

Indien = Thổ dân Mỹ Châu

Hindou = Ấn Độ

Thế mà cho đến năm nay, các sách dịch của ta về Mỹ Châu cứ tiếp tục dịch Indien là Ấn Độ, khiến học trò phải điên đầu, tự hỏi tại sao mà ở Châu Mỹ lại có dân Ấn Độ?

Chưa bao giờ mà một ngữ căn lại gây ngộ nhận nhiều đến thế, sâu rộng đến thế, và sự ngộ nhận lan vào cả giới văn nghệ và bác học nữa, tức lan vào toàn khối trí thức ta.

Các nhà bác học Âu Mỹ, tuy nói thế chớ không phải ông nào cũng dốt. Và họ dùng danh xưng bí hiểm không cố ý. Nó chỉ bí hiểm với người không chuyên môn, chớ các nhà bác học thế giới thì hiểu rất đúng. Tại ta không thông ngoại ngữ đó thôi.

Nhưng biết Indonésien là Cổ Mã Lai rồi, thiên hạ vẫn cứ sa lầy như thường vì hai lẽ:

1. Phán khoa học
2. Tự ái xằng

Tự ái xằng thì chỉ có ta là tự ái, chớ các ông Tây thì không. Tổ tiên ta không bảnh thì ta thất vọng, phủ nhận họ chớ mắc mớ gì tới các ông Tây. Các ông không tự ái tâm ruồng, nhưng các ông vẫn không rút chơn ra khỏi đầm lầy Đông Sơn vì tất cả bao nhiêu nhà bác học đó đều thiếu mất cái đức tính số một là tinh thần khoa học.

Trí thức Việt Nam, khi thốt ra danh xưng Anh-Đô-Nê-Diêng, luôn luôn nghĩ đến người Thượng cao nguyên vì các ông Tây dốt đã nói không minh bạch rằng người Thượng là Mọi.

Thiên hạ ngạc nhiên hết sức tự hỏi sao một thứ người như người Thượng lại lập được một nền văn minh rực rỡ thế kia ở Đông Sơn.

Chúng tôi nói rực rỡ không phải là nói quá đâu. Một nhà bác học trong nhóm đó có thử nghĩ ra một biến cố như sau. Nếu có thiên tai khủng khiếp nào xảy ra tại nước Huế Kỳ và tiêu diệt tất cả thì hai ngàn năm sau, loài người tới đó, cũng chỉ tìm được vài ngàn món đồ bằng đồng thau, y như ở Bắc Việt và Đông Sơn, chớ những gì bằng sắt, bằng lụa, bằng gỗ, bằng gạch sẽ đều mục nát hết.

Như thế, ta đoán biết được rằng ngoài hàng ngàn món đồ bằng đồng thau đó, dân Đông Sơn hẳn có hàng vạn thứ khác nữa, cùng mức độ khéo léo tinh xảo như đồ đồng thau, tất cả hợp lại thành một nền văn minh mà trong đó đời sống của dân chúng có thể xem là khá tốt đẹp.

Nhưng ranh giới giữa Cổ Mã Lai và Kim Mã Lai không rõ rệt lắm, và người Đông Sơn không chắc lắm là giống đồng bào Thượng ngày nay về vóc dáng còn về mức sống thì hẳn phải hơn, như cổ vật cho thấy.

Các ông Tây không tự ái xằng như ta, nhưng các ông cứ vùi đầu vào nền văn minh Đông Sơn và ngõ nguồn gốc dân tộc ta ở đó.

Chúng tôi bảo rằng các ông thiếu tinh thần khoa học, không phải là chúng tôi phách lối dám coi thường cả các nhà bác học của Viện Viễn Đông bác cổ, nhưng sự thật là thế. Đã bảo làm thế nào mà nguồn gốc của một dân tộc lại nằm tại giai đoạn đồng pha cực hạ (basse époque de bronze) được hờ trời!

Vì thế mà rồi các ông bị mất nửa thế kỷ. Quả thật thế, các nhà bác học ấy đều lâm vào một ngõ bí mà chúng tôi gọi đùa là ngõ bí Đông Sơn, bí không phải về nền văn minh đó mà họ biết rất rõ, mà về một điểm sử của nước Việt Nam, khi họ đặt ra câu hỏi: “Người Đông Sơn có phải là tổ tiên của người Việt Nam hay không?”.

Đã thấy quá rõ rằng họ là Cổ Mã Lai, còn người Việt Nam thì không có gì là Mã Lai cả thì làm thế nào để ráp nối Đông Sơn với Việt Nam được?

Vì không nuốt trôi được sự kiện kỳ dị đó, nên nhà bác học V. Goloubew, thuộc Viện Viễn Đông bác cổ mới phúc trình tại Bá Lê năm 1936, cuộc phúc trình về khảo tiền sử ấy rồi được in thành tập. Trong tập *Le peuple de Đông Sơn*, ông viết: “*Cái nền văn minh đó (tức văn minh Đông Sơn) tiết lộ cho ta thấy những dây liên hệ sâu đậm với văn hóa Mã Lai, thế nên không có vấn đề xem dân Đông Sơn là tổ tiên trực tiếp của dân Annam hiện nay (mà văn hóa mang màu sắc Trung Hoa)*”.

Những chữ ở trong dấu ngoặc là do chúng tôi tự ý thêm vào cho rõ nghĩa câu nói của ông V. Goloubew.

Nhượng Tống, giáo sư Kim Định và sử gia Phạm Văn Sơn nói là các ông Tây, Thụy Điển, Hòa Lan làm cho trí thức ta thắc mắc. Nhưng chính các ông Tây đã phủ nhận rằng: tổ tiên ta là Mã Lai đó chớ.

Các nhà học giả đã ngộ nhận vì lý do sau đây. Ta cứ nhìn nhận càn rằng nền văn minh Đông Sơn là của tổ tiên ta, mà nó lại có tánh cách Mã Lai, thế nên rồi ta cứ hiểu càn rằng các ông Tây cho rằng tổ tiên ta là Mã Lai.

Thật ra thì các ông Tây không bao giờ nhìn nhận nền văn minh Đông Sơn là của tổ tiên ta, như cuộc phúc trình của ông V. Goloubew đã cho thấy, vì cái lẽ họ không thấy ta là Mã Lai, trong khi đó thì Đông Sơn là Mã Lai rõ rệt.

Người ta chỉ nói Đông Sơn là Mã Lai, và phủ nhận nó là của tổ tiên ta. Còn ta thì nhận càn, thành thử cái yếu tố Mã Lai dính chặt trong nền văn minh Đông Sơn bị lôi cuốn theo. Thế nên mới có việc tin mạnh và dính chính âm ỉ.

Thật là quái dị, cái hiện tượng đó, về đủ cả mọi mặt. Người ta phủ nhận Mã Lai Đông Sơn là tổ tiên ta thế mà trí thức ta lại viết cả những quyển sách thật dày để dính chính nguồn gốc Mã Lai của ta, làm như khoa học đã quá quyết xong rồi, phải cãi cho kỳ được mới nghe.

Trong khi đó thì một nhóm trí thức khác lại cứ nhận càn Đông Sơn là tổ tiên ta, nhưng loại trừ tánh cách Mã Lai của nền văn minh ấy, vì chính họ cũng không nuốt trôi sự kiện ta là Mã Lai.

Nhưng thà là phủ nhận như V. Goloubew, chớ nhận nửa chừng sao được hờ các ông, vì Mã Lai dính chặt như keo sơn vào nền văn minh Đông Sơn làm thế nào mà các ông hất cẳng nó ra được.

Nhà bác học V. Goloubew nuốt không trôi, mà một số trí thức ta lại càng nuốt không trôi hơn ông ấy nữa, vì họ thấy ta khác Mã Lai quá xa, khác như nước với lửa, thì làm thế nào ta là con cháu Mã Lai được. (Chúng tôi chỉ nói đến trí thức, vì mặc dầu câu chuyện xảy ra từ năm 1920, nhưng đến nay, đa số dân chúng cũng chẳng ai hay biết gì hết. Thịnh thoảng có một vài bài báo Việt có tánh cách phổ thông, kể câu chuyện đó, nhưng cũng ít người buồn xem lắm).

Trí thức ta không nuốt trôi cái vụ Mã Lai đó, thế mà đa số lại càng nhận nền văn minh ấy là của tổ tiên ta, cái mới là mâu thuẫn. Họ thấy nó rục rĩ, không nhận thì uổng lắm, nhưng nhận mà chỉ nhận nửa chừng, tức phủ nhận tánh cách Mã Lai, mặc dầu tánh cách ấy rất rõ rệt.

Có người nói rằng người Pháp họ ác ý nên mới phủ nhận nền văn minh rục rĩ ấy là của tổ tiên ta. Sự thật thì không phải thế. Ông V. Goloubew là người Nga chớ không phải là người Pháp.

Mười năm sau ông V. Goloubew, một ông Tây khác ra đời. Đó là ông O. Jansé.

Nói ra đời thì không đúng, vì ông này là người cũ, lâu năm hơn cả ông V. Goloubew nữa, nhưng ông ta đã nín đi mười năm mới lên tiếng.

Ông O. Jansé là trưởng phái đoàn mà *Viện Bác cổ Viễn Đông Hà Nội* đã gửi xuống Thanh Hóa để thám quật các cổ vật nói trên. Các cổ vật ấy đã được dân chúng tìm thấy từ năm 1920, và tiếng đồn thấu đến tai hai ông H. Parmentier và V. Goloubew vào năm 1923 và hai ông này mới chính thức cho Viện hay tin và xin Viện khảo cứu vùng đó. Nhưng người được danh dự giao trọng trách lại là ông O. Jansé, người Mỹ gốc Thụy Điển, chớ không phải ông H. Parmentier, người Pháp, hoặc V. Goloubew, người Pháp gốc Nga.

Ông O. Jansé lỗi lạc về môn khai quật đúng phương pháp khoa học và công việc mà ông đã thực hiện tưởng trên thế giới không ai làm hơn được.

Tuy nhiên, khai quật xong, còn phải làm cái gì nữa, mà cái gì đó thì ông O. Jansé làm không trôi được một cách trọn vẹn.

Ông đã nghiên cứu rất kỹ và rất đúng những cổ vật đào được và riêng về việc nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn, tưởng ông không thua ai hết.

Nhưng có một khoản trong việc nghiên cứu đó thì thấy rõ là ông phản khoa học. Đó là cái phần kết luận về liên hệ giữa người Đông Sơn và Việt Nam.

Trong tập phúc trình viết bằng tiếng Anh, do Harvard University Press 1947 xuất bản nhan là *Archaeological Research in Indo China* ông O. Jansé chứng minh rất khoa học rằng người Đông Sơn thuộc chủng Cổ Mã Lai. Mặt khác, ông không hề chứng minh được rằng dân Việt Nam cũng thuộc chủng Mã Lai. Thế mà ông lại dám kết luận rằng:

Đông Sơn = Việt Nam

Theo phương pháp khoa học thì ông O. Jansé phải trình ra cho kỳ được tam đoạn luận sau đây:

Đông Sơn = Mã Lai

Việt Nam = Mã Lai

Đông Sơn = Việt Nam

Nhưng ông không bao giờ viết ra được cái đẳng thức toán học thứ nhì:

Việt Nam = Mã Lai

thành thứ tam đoạn luận của ông kể như là một con số không.

Tới đây thì sự thừa nhận càn và sự đính chánh âm ĩ mới nổi lên. Nhận càn vì một nhà bác học đã xác nhận càn, còn đính chánh âm ĩ, cũng chính vì sự xác nhận vô bằng chứng của nhà bác học đó. Cả hai phe phái Việt Nam đều dựa vào một nhà bác học nói tầm ruồng để làm việc đại sự.

Năm 1964, nhà nho Nhưộng Tống viết: “Mấy người ngoại quốc khảo cứu về nhân chủng ở xứ ta, có người bảo tổ tiên ta ở Mã Lai sang. Đó chỉ là ức thuyết, chả có gì là chắc chắn”.

Thấy rõ là Nhưộng Tống ám chỉ đến ông O. Jansé, vì cho tới năm đó, chỉ có hai ông V. Goloubew và O. Jansé là đã công khai lên tiếng mà thôi, nhưng ông V. Goloubew thì đã phủ nhận như ta đã thấy trên kia.

Nhưng ông O. Jansé cũng chẳng buồn lập ra ức thuyết nào cả, ông chỉ khảng định suông bằng nửa câu ngắn mà thôi.

Sở dĩ Nhưộng Tống viết như thế vì ông O. Jansé đã thất bại trong kết luận của ông.

Trong ba quyển sách dày lối mười ki lô của ông, ông không bao giờ viết ra được đẳng thức:

Việt Nam = Mã Lai

Nhưộng Tống là một nhà nho cừ khôi, ông ấy biết khoa học, biết tinh thần khoa học, và không chấp nhận được một cuộc kết luận phản khoa học như kết luận của ông O. Jansé.

Thật ra thì ông O. Jansé có thứ chứng minh, chứng minh của ông khá vững, nhưng khoa học không công nhận, cho là không vững.

Trong tập phúc trình nói trên, ông viết ngay ở mấy trang đầu, chớ không phải nơi chương kết luận: “Cứ theo lời dân làng thì chỗ đó (chỗ mà phái đoàn *Viện Viễn Đông bác cổ* sắp sửa thám quật lần đầu, tại Đông Sơn) không bao giờ được ai đá động tới vì lẽ bí mật gì không biết (For reasons unknow to them). Xem ra thì nơi đó chắc là nơi kiêng kỵ vào thời cổ (taboo in ancient times) và cả khi sự kiêng kỵ bị quên rồi, dân làng vẫn tiếp tục kính trọng nơi đó vì truyền thống. Tôi (lời ông O. Jansé) nghĩ rằng sự kiêng kỵ ấy có lý do nầy là đất ấy ngày xưa dùng làm nơi chôn cất (cho những nhơn vật quan trọng)”.

Đoạn văn trên đây, ngụ ý rất minh bạch, không thể hiểu lầm: dân làng Đông Sơn ngày nay là hậu duệ của dân Lạc Việt tiền Mã Viện. Nếu có sự đứt đoạn trong dòng thế hệ, nếu dân làng ngày nay là hậu duệ của người Tàu di cư sau Mã Viện như sử gia Nguyễn Phương nói thì không làm sao mà có cái *truyền thống kính trọng đất thiêng* nói trên.

Dân làng Đông Sơn ngày nay (tức năm 1924) giữ truyền thống của dân Đông Sơn Lạc Việt, thế nghĩa là không có sự **đứt đoạn**, không có dân tộc khác xen vào.

Thế nghĩa là:

Đông Sơn = Việt Nam

Tuy nhiên, khoa học cứ đòi hỏi hơn, vì có thể người Việt Nam ngày nay vốn là người Tàu (theo sử gia Nguyễn Phương) vẫn sợ cái gì mà cổ dân **vốn thuộc chủng** khác đã sợ hãi, vì họ được chứng kiến sự sợ hãi của thứ cổ dân đó khi họ mới đến, mới chung đụng với cổ dân đó. Rồi cổ dân đó bị họ tàn sát hết, nhưng họ cứ còn sợ nỗi sợ cổ thời của dân bị diệt chủng.

Vì thế mà chúng tôi cho rằng chứng minh của ông O. Jansé khá vững, nhưng khoa học không nhìn nhận.

Thật ra thì các nhà bác học ấy không tha thiết lắm trong công việc tìm nguồn gốc của dân tộc ta, vì đó không phải là công việc của họ. Họ nghiên cứu nền văn minh Đông Sơn chỉ vì nền văn minh Đông Sơn. Nền văn minh ấy, tự nó, có giá trị riêng. Họ không phải là sử gia, và dùng kết quả khảo cứu cách nào cho đúng để viết sử là công việc của sử gia chớ không phải của họ là những nhà khảo tiền sử.

Phương chỉ họ lại đang bí vì không thể lập ra được cái tam đoạn luận nói trên, nên đã không tha thiết, họ bỏ trôi luôn.

Họ là nhà khảo cổ, và họ đã làm xong sứ mạng, y như cố đạo L. Cadière nói, còn về sau, các sử gia tự ý kết luận sao đó thì kết luận. Họ chỉ đại dốt kết luận về mặt sử học, để cho phải sai lầm, cả hai ông đều sai, cách nhau mười năm.

Vì quá bí, nên họ chỉ còn biết say mê những gì họ làm được chớ không bận tâm đến nguồn gốc dân tộc Việt Nam nữa. Vì vậy mà vấn đề cứ còng lòng dòng hoài.

Cuộc sa lầy, nằm tại chỗ không nổi kết được Mã Lai với Việt Nam, mà nếu có nổi kết được, cũng còn cứ sa lầy như thường, vì, như đã nói, nguồn gốc của một dân tộc không làm sao mà nằm tại giai đoạn đồng pha, hơn thế, đó là giai đoạn cực hạ vì kỹ thuật đồng pha Đông Sơn đã là nghệ thuật rồi, thì giai đoạn Đông Sơn là giai đoạn quá mới, tương đối với thượng cổ sử của một dân tộc.

Tuy nhiên, các ông Tây khác, sau đó, vẫn có thứ nổi kết Mã Lai với Việt Nam, các ông có thành công phần nào, nhưng đó chỉ là công dã tràng vì nguồn gốc dân ta sao mà nằm tại thời đại đồng pha được kia chớ.

Trong khi đó trí thức Việt Nam lại lấy một thái độ dễ dãi và vô lý này là nhận càn nền văn minh Đông Sơn là của tổ tiên ta.

Nhưng tất cả ba thái độ, ba khuynh hướng trên đều phản khoa học:

1. Ông V. Goloubew phủ nhận quá sớm khi chưa nỗ lực tìm ra cái đẳng thức Việt Nam = Mã Lai.
2. Trí thức ta không thèm tìm gì hết mà cứ nhận. Họ nhận Đông Sơn là tổ tiên mà không đưa ra được lấy một bằng chứng nhỏ rằng ngày nay ta cứ còn là Mã Lai.

Có người còn làm một cuộc loại trừ rất là buồn cười. Họ nhận Đông Sơn là tổ tiên ta, nhưng không nhận Đông Sơn là Mã Lai. Họ làm như là một bà nội trợ, đi chợ, chọn món ngon thì mua, món dở thì thôi, nên văn minh đó rục rờ thì họ nhận, còn Cổ Mã Lai không rục rờ thì họ phủ nhận. Họ quan niệm sai lầm rằng làm Cổ Mã Lai xấu xa lắm vì họ thấy người Cổ Mã Lai ở Cao nguyên không bánh.

Nhưng viết sử khác với mua ăn. Tổ tiên ta hay dở gì ta cũng phải nhìn nhận trọn vẹn, chớ không thể chọn lựa. Cha tôi là tướng cướp, tôi cũng đành chịu vậy, còn tôi nói ngọng cha tôi cũng đành chịu vậy, không ai chọn ai được cả.

Đây là việc thừa tự chớ không phải là một cuộc kết hôn, phương chi lắm khi trong cuộc kết hôn, người ta cũng có thể bị đẩy vào cái thế không thể lựa chọn.

Thí dụ quân lính của Mã Viện họ hiếp con gái Lạc Việt, sau khi tàn sát hai bà Trưng, cho đẻ ra Tàu lai, con gái Lạc Việt lựa chọn được hay không ?

Nhưng như đã nói, Cổ Mã Lai không có gì xấu xa hết và chúng tôi đã tiếp xúc với đồng bào Thượng, đã thương mến họ vì đức tính và đạo đức của họ, nó hơn hẳn ta nhiều bậc. Thế nên chúng tôi mới nêu câu nói của bác sĩ Haurd ở trang đầu sách này.

Trường hợp điển hình nhất và sau cùng nhất là trường hợp của giáo sư Kim Định. Ông chối bỏ nguồn gốc Mã Lai của tổ tiên ta, nhưng lại nhận Đông Sơn, mặc dầu Đông Sơn là Mã Lai một trăm phần trăm không thể chối.

Quả thật thế, ông đã trích một cuốn sách Tàu chép rằng Xuy Vưu là chim mà không biết bay, ông cho rằng câu đó ngầm nói rằng Việt thờ vật tổ là chim, vì ông nối kết nó với hình chim ở trống Đông Sơn.

Thế là ông vừa phủ nhận Mã Lai xong thì lại nhận Đông Sơn ngay, tức chia hai Đông Sơn ra, tánh cách Mã Lai thì bỏ đi, còn cái gì hay của Đông Sơn thì giữ lại.

(Thật ra thì câu sách Tàu bí hiểm đó, không có nghĩa ấy, vì chúng tôi sẽ chứng minh rằng chim không phải là vật tổ của dân ta như các ông Tây đã lầm).

Ông O. Jansé nhận càn trọn vẹn Việt Nam = Mã Lai mà cũng chẳng đưa ra được bằng chứng khoa học nào hết.

Tóm lại, trước ngõ bí Đông Sơn, tất cả mọi khuynh hướng đều phản khoa học. Xin trình ra nguyên tắc khoa học sắc bén nhất để ta noi theo đó mà làm việc cho khỏi sai lầm.

Nguyên tắc này là khuôn vàng thước ngọc mà nếu không theo ta khó mong tìm ra sự thật lịch sử. Đây, tóm lược nguyên tắc: Lịch sử của một dân tộc giống hệt sợi dây xích sắt, có cái khoen đầu, cái khoen cuối và những cái khoen nối kết trung gian. Trong trường hợp của ta, cái khoen đầu là nền văn minh Đông Sơn có tánh cách Mã

Lai, cái khoen cuối là nền văn minh Việt Nam hiện đại nhuộm màu sắc Trung Hoa. Nếu chưa tìm được những cái khoen trung gian nó minh họa sự biến chuyển từ Mã Lai sang Trung Hoa thì không được phép lôi kéo Đông Sơn vào Việt Nam.

Như vậy phương pháp làm việc là tìm những cái khoen trung gian đó, chứ không phải cứ vội bận tâm về việc nhìn nhận hay phủ nhận.

Chừng nào tìm được rồi thì vấn đề mới được giải quyết, bằng chưa thì cứ để cho nó lòng dòng, không ai có quyền hối thúc, bắt ép ai phải nhìn nhận hay phủ nhận ngay từ năm 1936, hay vào năm nay (1964) hoặc trong 50 năm nữa.

Ông V. Goloubew không tìm tòi đến chốn mà cứ dám phủ nhận, còn ông O. Jansé tìm không thấy lại cứ dám nhìn nhận, thì thật là kỳ, mà kỳ nhất là trí thức ta, không tìm tòi gì hết, vậy mà vẫn cứ nhận, lại nhận có điều kiện nữa chứ!

Lý trí, kinh nghiệm và khoa học dạy ta rằng không phải nền văn minh cổ nào nằm trong lòng đất ta, đều là của tổ tiên ta. Không, cách đây hai ba ngàn năm, rất có thể có một dân tộc khác làm chủ đất ta ngày nay thì cho rằng nền văn minh Đông Sơn nhất định phải là nền văn minh của tổ tiên ta, không khoa học chút nào hết.

Không thể chấp nối hai nền văn minh khác tánh cách lại với nhau khi không đưa ra được những cái khoen trung gian chứng tỏ có sự biến dạng, mà sự chấp nối ấy còn giá trị khoa học nào.

Nhận văn minh Đông Sơn là của tổ tiên ta, thì quá dễ, bởi nền văn minh đó không có chủ, chẳng ai tranh giành với ta, nhưng ta có yên tâm được hay không, khi nhận càn, không chứng tích?

Cả ba khuynh hướng trên đều là khuynh hướng bí và nó đưa tới những kết quả không được khoa học công nhận, và chính lương tâm của ta cũng không công nhận nữa.

Thế nên, để an lòng mình, ông O. Jansé của khuynh hướng thứ nhì mới viết: “Bọn phiêu lưu tiên phuông Tàu là thợ giỏi nên các thủ lãnh địa phương (Đông Sơn) ưa gả con gái cho họ”.

Ông O. Jansé muốn ám chỉ đến một cuộc họp chủng Hoa Việt để cắt nghĩa tại sao giò dân ta mang bản sắc Tàu chứ không phải bản sắc Mã Lai như người dưới mồ.

Chương kết luận của ông O. Jansé là một trang sách, nếu in chữ nhỏ thì không đây một trang tiểu thuyết bình thường, trong đó câu trên đây được nêu ra. Nhưng đó chỉ là một mưu trá để ráp nối Mã Lai với Tàu cho nó thành Việt Nam chứ không phải là chứng tích vì ông không chứng minh được rằng cuộc họp chủng ấy lớn lao đến mức làm mất hẳn bản sắc Mã Lai, mà còn trái lại nữa, cuộc họp chủng ấy quá nhỏ nên chỉ được ông bố thí cho có nửa câu ám chỉ ngắn mà thôi, thì làm sao tánh cách Mã Lai lại biến mất được?

Phải chứng minh được một cách toán học rằng:

Việt = Mã Lai

thì khoa học mới thôi thối mắc.



Sử chỉ là khoa học nhân văn chứ không phải khoa học chính xác như lý-hóa, nhưng đó là về một mặt nào đó thôi, chứ nơi vài khía cạnh, khoa học vẫn đòi hỏi nó phải chính xác y như toán.

Trong trường hợp Đông Sơn, Mã Lai, Việt Nam, phải viết cho được ba đẳng thức, ba đẳng thức đó phải hợp thành một tam đoạn luận, như đã nói trên kia, mới dứt khoát được vấn đề.

Vì cả ba khuynh hướng đều phản khoa học, để lộ một sơ hở quá thô sơ, nên giáo sư đại học Nguyễn Phương mới xen vào, chứng minh rằng ta là người Tàu thuần chủng.

Thế mới chết nữa, và có tai hại hay không, chỉ vì cả ba khuynh hướng trên đều sơ hở quá lớn?

Chúng tôi đã có nhiều bài báo bác bỏ cái thuyết sai lầm của sử gia Nguyễn Phương, nhưng chúng tôi vẫn phải nhìn nhận rằng sử gia Nguyễn Phương đã thấy được tánh cách phản khoa học của ba khuynh hướng trên.

Sở dĩ thuyết của sử gia Nguyễn Phương sai là vì lúc lập thuyết sử gia lại cũng bất chấp khoa học, chứ riêng việc nhận xét ba khuynh hướng đó thì sử gia rất sáng mà thấy được sơ hở ấy.

Làm thế nào mà thuở ấy, tại Đông Sơn, lại có ba dân tộc văn minh được kia chứ? Chắc một trăm phần trăm là chỉ có chủ đất là ta ở Đông Sơn và kẻ xâm lăng là Tàu, một dân tộc văn minh thứ ba xen vào đó sao được? Để cùng Tàu xâm lăng ta chẳng, hay để cùng ta đồng làm chủ đất? Cả hai giả thuyết ấy đều không có lý. Và lại nếu có, sử Tàu đã có chép về một dân tộc thứ ba ấy không (Chúng tôi không nói đến những bộ lạc kém mở mang khác, vẫn sống lẫn lộn với người Đông Sơn).

Thế thì một là ta là Đông Sơn, hai là ta là Tàu, không sao khác hơn được. Nhưng khoa học lại chưa nhận rằng ta là Đông Sơn thì sử gia Nguyễn Phương bỏ ta vào cái bị Trung Hoa vậy.

Sử gia Nguyễn Phương rất tinh ý, thấy chỗ sơ hở của người khác, nhưng ông vẫn phản khoa học như thường vì ông không hề thử tìm những cái khoen nối kết mà khoa học đòi hỏi.

Ông lại "trễ tàu" vì từ năm 1936 đến năm quyển *Việt Nam thời khai sinh* của ông ra đời năm 1965, nhiều nhà bác học khác đã tìm được vài cái khoen nối kết. Mà hề có một cái, có vài cái, thì sẽ có trăm ngàn cái, tuy chưa đủ, mà rồi sẽ đủ. Chỉ có một cái mà thôi, cũng đủ ngăn sử gia bỏ ta vào bị Trung Hoa rồi. Thế mà sử gia không hay biết, làm như không ai tìm được gì cả, và đã tuyệt vô hy vọng rồi, nên ông chọn Tàu làm tiên tổ để dứt khoát vấn đề.

Sử gia nỗ lực kinh hồn để cố chứng minh rằng Việt = Hoa nhưng công trình của sử gia lâm ngay ở tiền đề: Nếu người Việt Nam là Tàu thì tại sao họ lại thờ vua Mã Lai Hùng Vương, thờ anh hùng Mã Lai Trưng Trắc?

Những người bạn Trung Hoa của chúng tôi ở Sài Gòn này, khi được chúng tôi cho biết nội dung quyển V.N.T.K.S. và được hỏi ý kiến, họ đều đáp: "Chúng tôi, người

Trung Hoa, chúng tôi kính mến vua tổ của anh, khâm phục nữ anh hùng của anh, nhưng thờ những vị đó, thì chắc chắn là không, bởi chúng tôi không có lý do thờ phượng vua và anh hùng nước khác. Cũng không lý do nào mà một ngày nào đó, người Tàu di cư sang Giao Chỉ lại bỗng dưng quên mình là người Tàu, đi thờ vua và anh hùng Lạc Việt. Tri tình thì không thờ, còn thờ vì quên gốc, cũng không thể có được”.

Ông O. Jansé còn nói ra được hai tiếng “Hợp chủng Hoa Việt”, chí như sử gia Nguyễn Phương thì không, mà còn trái lại nữa, ông cho rằng ta là người Tàu thuần chủng.

Buồn cười nhất là Nhượng Tống. Nhượng Tống đã mắng Ngô Sĩ Liên vì Ngô Sĩ Liên đã để lộ cho thấy rằng tổ tiên của ta là người Mường, bằng cách đưa truyền thuyết Mường vào sử Việt.

Nhưng Nhượng Tống cũng lại mắng những ai cho rằng tổ tiên của ta là người Tàu. Ông phủ nhận luôn nguồn gốc Mã Lai.

Như vậy tổ tiên ta là ai? Như nhiều nhà học giả khác, Nhượng Tống tưởng rằng người Việt Nam tự nhiên có mặt được ở xứ này, và xưa sao, nay vậy, không hề thay đổi, tức một chủng riêng biệt, theo thuyết H. Maspéro.

Cái thuyết Việt tộc là một chủng riêng biệt của H. Maspéro đã được nhiều sử gia ta lặp lại. Nhưng ông H. Maspéro, mặc dầu là nhà bác học, lại quên học khoa chủng tộc học. Không hề có một chủng chỉ đông có bảy trăm ngàn người (theo cuộc kiểm tra dân số của Mã Viện). Nếu có thì đó là một mảnh vụn của một chủng tộc nào đó, rất lớn, vì chủng tộc nào cũng rất lớn cả. Mà nếu sự kiện đã xảy ra như vậy thì cái chủng tộc lớn đã tàn lụn, chỉ còn sót lại có bảy trăm ngàn người Lạc Việt ở châu thổ Hồng Hà, cái chủng lớn ấy, khoa chủng tộc học cũng đã biết. Không có chủng nào mà khoa đó không biết cả, từ khi các chủng thành hình một cách rõ rệt, cách đây hơn mười ngàn năm.

Nhưng tuyệt đối không hề có cái chủng lớn nào mà còn để sót lại một mảnh nhỏ là dân Lạc Việt hết.

Họ chưa biết cái gốc cũ đó, nên họ làm thình mà tìm tòi, chớ họ không bao giờ dám nói một điều rất dốt như ông H. Maspéro rằng Lạc Việt là một chủng riêng biệt.

H. Maspéro có tham vọng nghiên cứu nguồn gốc dân ta, nhưng lại chưa học khoa chủng tộc học (Raciologie).

Hơn thế, khoa chủng tộc học đã chứng minh rằng ngày nay, không còn chủng nào mà còn ở lại nơi phát tích của họ cả. Tất cả đều đã di cư, vì sinh kế, vì chiến tranh, vì khí hậu thay đổi và vì trăm ngàn lý do khác nữa.

Người cổ Ai Cập xưa, chủ non của cái nền văn minh rực rỡ mà đền thờ còn tồn tại tại Ai Cập hiện kim, cũng là dân ở nơi khác đến đó rồi lập ra cái nền văn minh ấy tại đó, chớ gốc họ không phải ở đó.

Người Do Thái quả vừa trở về đất tổ ban đầu của họ, nhưng họ cũng phải đi lang thang suốt ba ngàn năm, và nếu gặp được đất mới thì họ đã lập quốc ở nơi khác rồi.

Sở dĩ họ trở về là vì trên quả địa cầu không còn đất trống để cho họ lập quốc, họ đã trở về là chuyện bất đắc dĩ, và phải đổ máu rất nhiều, chớ không, họ cũng đã đang sống ở nơi nào đó rồi, chớ không sao mà cứ được ở tại đất tổ của ngày xưa.

Nhưng họ mất nước và lấy lại nước chỉ trong vòng có ba ngàn năm, còn dân ta thì lại cổ ít lắm là năm ngàn năm, như sẽ chứng minh, thì không làm sao mà dân ta gốc ở Bắc Việt ngày nay được cả.

Dân da trắng, từ cổ chí kim, chỉ thuộc ba chủng. Chủng Hamite của người Ai Cập, chủng Sémile của người Do Thái và Lưỡng Hà, chủng Ấn Âu của tất cả các dân da trắng hiện nay. Dân Albanie đông chỉ có hơn một triệu. Nhưng họ không là một chủng riêng biệt đâu, mà là một chi của chủng Ấn Âu đấy.

Tất cả những người tìm nguồn gốc dân Việt mà không thành công, đều do họ học thiếu khoa này hay khoa khác, vì viết về nguồn gốc một dân tộc không có gián dị như viết về Tây Sơn chẳng hạn, chỉ cần có nhiều sử liệu là có thể làm được, không cần phải biết khoa học nào khác hết.

\*

\* \*

Những người phủ nhận Đông Sơn Lạc Việt là tổ tiên của ta có đại diện điển hình là V. Goloubew.

Đó cũng là một nhà bác học thiếu tinh thần khoa học.

Nhà bác học V. Goloubew đã quên mất sự thật này: Văn hóa là cái gì rất là gặt gẫm, nó biến dạng con người rất là kỳ dị.

Người Ấn Độ ở nước Ba-kít-tăng thấy họ giống người Á Rập chớ không giống Ấn Độ chút nào, chỉ vì một đảng theo văn hóa Á Rập, một đảng theo văn hóa Ấn Độ, họ quên mất họ đồng máu Aryen với nhau.

Người Thái ở Vân Nam, cách đây 800 năm, thấy mình là Á Rập vì họ theo văn hóa Hồi, và thấy người Xiêm khác hẳn họ mặc dầu cả hai đều là Thái Vân Nam. Nhưng nay, cũng cứ người Thái ở Vân Nam thì lại tự thấy họ là Tàu vì họ đã bị Tàu đồng hóa từ đời nhà Nguyên.

Còn về màu da thì như đã nói, người Mã Lai không thuộc chủng da đen bao giờ, và khi đọc tới chương "Chủng Mã Lai" quý vị sẽ thấy họ nằm giữa chủng da trắng và chủng da vàng. Sở dĩ họ hơi đen là vì nắng, bởi họ ở quá gần đường xích đạo, chớ hồi mà họ còn làm chủ đất Hoa Bắc cách đây hơn 5000 năm thì họ trắng.

Buồn cười nhất là tất cả các nhóm dân tộc gốc Mã Lai là: Mã Lai, Chàm, Cao Miên, Thái Lan, Gia Rai, Bà Na, Sơ Đăng v.v. đều gọi dân Việt Nam là "Man di", chỉ vì tất cả các nhóm Mã Lai ấy đều theo văn minh Ấn Độ, còn ta là nhóm Mã Lai độc nhất ở Đông Nam Á theo văn minh Trung Hoa, nên họ mới thấy ta bằng con mắt Ấn Độ, con mắt này giống hệt con mắt Trung Hoa, hễ ai không phải là Trung Hoa đều bị gọi là man di tuốt hết.

Danh từ mà họ dùng là danh từ Phạn Yuavana, có nghĩa là “man di” và bị biến như thế này:

Mã Lai: Yuavan

Thái Lan: Yuôn

Chàm: Yuan

Miến Điện: Yuan

Cao Miên: Yuôn (Cáp Duôn)

Bà Na: Yuân

Ra Đê: Yoàn

Gia Rai: Yuân

Xi Tiêng: Yuon

Mạ: Yen

Thật ra người Bà Na, Ra Đê, Gia Rai, Xi Tiêng, Mạ, không bao giờ theo văn minh Ấn như Mã Lai, Chàm và Cao Miên, Thái Lan, nhưng xưa kia họ là thần dân của Cao Miên và Chàm, nên họ gọi ta y theo chủ cũ của họ.

Ta không nên giận người Cao Miên, Thái Lan và Chàm, khi họ gọi ta là “Man di”, bằng ngôn ngữ Ấn Độ, chung quy cũng tại khi xưa họ dốt, rồi thì nó quen miệng đi, chớ thật tình thì họ không hiểu danh xưng ấy có nghĩa gì hết, cả trí thức của họ cũng không hiểu, mặc dầu trí thức họ rất thông Phạn ngữ, họ không hiểu vì sự biến dạng đã xóa mất gốc Phạn đi.

Ở Sài Gòn có một người Ấn lai Việt làm ca sĩ, ca bằng tiếng Việt, một người Pháp lai Việt làm kép cải lương, lu bù phụ nữ Trung Hoa lai Việt làm đào cải lương, tất cả những tài tử đó đều xúc động thật sự vì lời ca giọng hát của họ, chớ không phải là học thuộc lòng như cái máy, tức họ nghe họ có tâm hồn Việt Nam thật sự, mặc dầu họ ý thức về nguồn gốc của họ.

Sự việc xảy ra như vậy, chỉ vì giáo dục, mà giáo dục là văn hóa. Văn hóa biến tất cả, uốn nắn được tất cả, tròn ra vuông, đen ra trắng.

Trên đây là sự thật khoa học, đã được chứng minh bằng nhiều cuộc thí nghiệm căn bản nổi danh, chớ không phải ý kiến của riêng chúng tôi.

Các nhóm Mã Lai đều tự thấy họ là Ấn Độ, riêng Mã Lai Việt và Mã Lai Nhật, Mã Lai Đại Hàn thì lại hơi thấy mình là Tàu (Rồi quý vị sẽ thấy rằng Nhật và Đại Hàn cũng đồng gốc Mã Lai như ta).

Riêng một nhóm Mã Lai kia thì hiện nay lại tự thấy họ là Tây. Đó là Mã Lai Phi Luật Tân. Ngày xưa họ cũng theo văn hóa Ấn Độ, rồi Á Rập, y như Nam Dương, nhưng họ bị người da trắng trị họ từ 500 năm nay, họ theo đạo Kitô đến chín mươi phần trăm dân số, cảm nghĩ y như Âu Châu, với những ông tổng thống tên là José Rizal, Manuel Roxas, Elpidio Quirino v.v.

Tất cả đều do văn hóa biến dạng hết thảy, kể cả lãnh vực sâu kín nhứt của tâm hồn ta, văn hóa cũng biến được nữa, chớ không riêng gì vóc dáng, đồ vật bên ngoài.

Tuy nói thế chớ ông V. Goloubew không có kém đến thế đâu mà không biết lẽ đó. Nhưng ông là nhà khoa học, nên ông mà có không quên cái lẽ đó, ông vẫn phải tôn thờ khoa học. Mà ở mặt khác, khoa học cũng dạy rằng văn hóa có biến dạng con người sâu đậm tới đâu đi nữa, dấu vết cũ vẫn còn.

Mà những dấu vết cũ ấy, dấu vết Mã Lai, ông V. Goloubew tìm mãi vẫn không thấy được trong xã hội Việt Nam ta ngày nay.

Dân Dravidien, chủ đất cũ thứ nhì của nước Ấn Độ (họ cũng là Mã Lai đấy) đã bị quân xâm lăng Aryen cố xóa tẩy dấu vết văn hóa từ trên bốn ngàn năm nay, nhưng không sao mà Aryen thành công được hết, và các nhà dân tộc học thế giới tới đó nghiên cứu vài năm là biết rõ cả. Hơn thế, họ còn tìm được dấu vết văn hóa Dravidien xâm nhập văn hóa Aryen nữa.

Nhưng ta thì chỉ bị Tàu xóa văn hóa có một ngàn năm, thì dấu vết Mã Lai ở đâu, nếu quả thật tổ tiên ta là Mã Lai ?

Nhưng, như đã nói, ông V. Goloubew chỉ là một nhà bác học sồn sác, nói theo miền Nam, tức quá vội vàng kết luận.

Rồi các ông Tây, vì quá bí, bỏ trôi luôn, nên các ông khỏi sa lầy sâu hơn. Chỉ có trí thức ta là lâm vào cảnh vua Đường sa nê, mà sa tới cổ.

Tìm nguồn gốc của dân tộc Việt Nam tại giai đoạn Đông Sơn như là đi tìm Sài Gòn mà cứ dừng chơn tại Hội An. Thế nên các vị sử gia ấy cứ loay hoay mãi với Đông Sơn mà không đi tới đâu hết. Chính vì ta sa lầy chớ không phải Tây, vì như đã nói, họ phải tay vì bí, sau khi làm xong công việc chính là khảo tiền sử.

Tuy nói thế, chớ trong quyển sách này, chúng tôi cũng có tìm những cái khoen nối kết đó, mặc dầu nền văn minh Đông Sơn không nói lên được cái gì cả. Nguồn gốc dân tộc ta phải nhiều ngàn năm cổ hơn thế kia.

Nhưng chúng tôi vẫn tìm để xem Đông Sơn có phải là Việt Nam hay không và nếu phải thì ta lại được biết một giai đoạn của cổ sử ta trên đường tìm về thượng cổ sử.

Và mặc dầu không kể Đông Sơn, chúng tôi cũng làm việc cho Đông Sơn một cách khoa học hơn những ông O. Jansé và V. Goloubew.

Vậy tới đây thì thiên hạ đã trải qua hai cuộc sa lầy rươi từ 1918 đến 1964, năm mà chúng tôi khởi thảo sách này, sau nhiều năm học hỏi:

1. Sa lầy thứ nhứt của hai ông L. Aurousseau và H. Maspéro là chỉ dựa vào cổ sử Tàu.
2. Sa lầy thứ nhì của tất cả mọi người vì ngỡ nguồn gốc dân ta ở tại giai đoạn Đông Sơn.
3. Phần nửa một cuộc sa lầy thứ ba là không biết thuật ngữ Indonésien có nghĩa là gì.

Cho đến năm 1964 thì đáng lý ra ta đã thoát khỏi được cuộc sa lầy thứ ba đó, nhưng ta vẫn không thoát, và chúng tôi xem đó là cuộc sa lầy lớn thứ ba.

Đến năm 1964 thì kết quả của khoa khảo tiền sử đúng đã được công bố. Chúng tôi nhấn mạnh về chữ đúng, vì vụ Đông Sơn là một cuộc sai lầm như đã nói.

Một số trí thức Việt Nam mà chúng tôi chỉ đúng tên, thí dụ ông Phạm Việt Châu, đã biết kết quả đó, và nhút là không ngộ nhận vì danh xưng Anh-Đô-Nê-Diêng.

Nhưng nhà trí thức họ Phạm lại không viết sử. Thật là quá uổng. Ông chỉ viết chuyện khác, nhưng cho ta thoáng thấy là ông có biết tài liệu đó, và hiểu đúng các danh từ, danh xưng trong tài liệu.

Khoa khảo tiền sử đúng đó là như thế này: đào bới để tìm cho đủ sọ của các chủng tộc có mặt trong lãnh thổ Việt Nam từ 15 ngàn năm tới nay.

Đó là công việc mà Patte, Colani, Mansuy đã làm rồi. Nhưng không đúng, vì còn phải biết những con người ấy từ đâu đến cổ Việt, và đến vào năm nào, hay là họ phát tích tại cổ Việt, công việc mà ba nhà bác học trên không có làm, nhưng các sử gia ta lại dựa vào đó.

Khảo tiền sử đúng là cái công trình lớn lao thứ nhì ấy chớ không phải là công trình của ba nhà bác học được kể tên trên kia.

Nhưng đó chỉ là việc khảo tiền sử.

Viết sử lại còn khác hơn rất xa.

Chúng tôi thí dụ là các ông ấy đã tìm được 8 loại sọ của 8 chủng tộc khác nhau.

Muốn biết tổ tiên ta là ai, nhà viết sử phải đo sọ của ta ngày nay rồi đối chiếu với các sọ đời xưa, có thể mới biết rõ nguồn cội của ta, chớ cứ đoán mò mãi thì làm thế nào mà đi tới một kết quả được khoa học nhìn nhận.

Và cũng nên biết rằng sọ của một chủng, không thay đổi trong vòng 10 ngàn năm thì sự đối chiếu ấy có đủ giá trị chứng minh khoa học.

Hiện nay có sách nói ta là Tàu thuần chủng, có sách nói ta là một chủng riêng biệt, có sách nói mù mờ một cách cố ý, vì không biết chắc cái gì, nhưng không sách nào có làm cái công việc đo nhứt mà khoa học bằng lòng nhìn nhận, tức đo sọ của người Việt Nam hiện đại để đối chiếu với những sọ cổ đào được ở Cổ Việt, tức Bắc Việt ngày nay.

Hơn thế, khi chưa bước sang giai đoạn viết sử, chỉ ở giai đoạn học khoa khảo tiền sử đúng mà thôi, thì nếu có ai muốn sử dụng cái khoa khảo tiền sử đúng ấy, cũng không dễ gì sử dụng, bởi phải còn kiểm soát lại xem quả nó có đúng hay không.

Nhưng kiểm soát công việc của một trăm nhà bác học làm việc khắp Á Đông trong vòng bốn mươi năm, thì kể ra phải lao碌 quá sức một cá nhân, ít ai đủ can đảm làm.

Công việc kiểm soát ấy lại đòi hỏi qua nhiều khoa học chuyên môn, mà thường thì một cá nhân, nếu không vì một quyết tâm nào, không học làm gì cho mất công.

Riêng về công việc viết sử cho Việt Nam, ta lại vấp phải danh xưng bí hiểm của khoa khảo tiền sử là danh xưng Anh-Đô-Nê-Diêng mà ta không biết là cái gì, hoặc tưởng là "Mọi".

Ta cũng lại không hiểu tiếp đầu ngữ *Austro* chỉ có nghĩa là *Phuong Nam*, và cú dịch ra là Úc Châu, Úc Đại Lợi mãi.

Kiểm soát đã khó, mà không hiểu danh từ thì lại càng vô phương.

Thế nên, nếu có vài vị hiếm hoi biết được kết quả của công việc khảo tiền sử đúng, cũng chẳng ai dùng nó được để mà viết thượng cổ sử cho dân tộc Việt Nam.

Công việc khảo tiền sử đúng, ám chỉ trên kia, đã được giới khoa học thế giới kiểm soát rồi, nhưng họ chỉ kiểm soát để biết các nhà khảo tiền sử ấy làm việc có đúng hay không chứ không có kiểm soát về khía cạnh ăn khớp với thượng cổ sử Việt Nam.

Nói cách khác, nhà viết sử phải kiểm soát lại, nhưng dưới các khía cạnh khác, chứ không phải kiểm soát về phương diện khảo tiền sử.

Khoa khảo tiền sử nói đến 8, 9 chủng ở Việt Nam, chứ không phải chỉ nói đến một chủng, và chủng nào trong 8, 9 chủng ấy đúng là chủng của ta, thì chỉ có nhà viết sử mới biết khi họ đối chiếu những chủng ấy với ta, về đủ cả mọi mặt: phong tục, cái sọ, ngôn ngữ, kiến trúc v.v.

Thế nên chúng tôi mới nói rằng mặc dầu công trình khảo tiền sử đúng đã hoàn tất sứ mạng của nó, các sử gia viết về thượng cổ sử Việt Nam vẫn có còn sa lầy.

Cuộc sa lầy thứ ba này hiện chỉ đang ngấm ngấm vì chưa ai có tác phẩm hết. Họ chỉ sa lầy vì không biết làm thế nào để biết sọ của người Việt hiện là sọ của chủng nào, trong bao nhiêu sọ cổ đào được ở Bắc Việt, cái nôi thứ nhì của dân tộc ta.

Cái nôi thứ nhất, lại ở nơi khác, mà khoa khảo tiền sử cũng đã cho biết rõ, nhưng cũng không ai hay, mà có hay cũng chẳng kiểm soát được.

Năm mà quyển *Việt Nam thời khai sinh* của giáo sư Nguyễn Phương ra đời, năm 1965, thì tài liệu đã được công bố từ ba năm rồi, ở Bá Lê từ năm 1962, nhưng sách chỉ tới Sài Gòn năm 1964. Có lẽ sử gia Nguyễn Phương cũng có đọc cuộc công bố mới ấy, nhưng vì không kiểm soát được bằng hai khoa chủng tộc học (*Anthropologie Physique*) và ngôn ngữ tỷ hiệu (*Etudes comparatives des langues*) thành thử giáo sư đành bỏ qua. Giáo sư lại không biết *Indonésien*, *Mélanésien* là gì thì lại cũng không thể kiểm soát được cái gì.

Giáo sư đã bắt được một chứng tích cụ thể là cái lưới riu có tay cầm, nhưng cũng chẳng dùng được, vì chính những người đào được lưới riu ấy: Mansuy, Colani, Patte, cũng chẳng biết dân có lưới riu từ đâu tới, và liên hệ thế nào tới dân Việt Nam.

Thành thử cái lưới riu có tay cầm, chứng tích khổng lồ ấy chỉ được giáo sư Nguyễn Phương nói phớt qua vài tiếng rồi thôi, vì Mansuy, Colani, Patte chỉ làm việc tại Đông Pháp, không thể biết nhiều được, mà giáo sư họ Nguyễn thì chỉ đọc có ba nhà đó.

Tài liệu trên bán đây đường khắp ngõ năm 1964 ở Sài Gòn, chứ không phải là tài liệu bí mật, nên được rất nhiều báo dịch, nhưng báo chí vẫn cứ vấp phải vấn đề danh từ, hết ngộ nhận về danh xưng *Indonésien* rồi, nhưng lại ngộ nhận về các danh từ khác,

chẳng hạn tĩnh từ Austro, chỉ có nghĩa là *Phuong Nam* lại được dịch là Úc Châu, hoặc Úc Đại Lợi.

Sử dụng danh từ như thế đó, chỉ làm rối ren vấn đề, chớ không soi sáng nó chút nào hết.

\*

\* \*

Sử là một khoa học. Nếu có những cuốn sử hay về văn chương thì nó cũng được xem là những văn phẩm, nhưng không mất, và không được phép mất tánh cách khoa học của nó, tánh cách này quan trọng hơn tánh cách văn chương nhiều lắm vì một quyển sử văn hay đến đâu mà viết sai sự thật thì chẳng còn giá trị nào, trong khi một quyển sử đúng sự thật một cách khoa học mà văn dở, vẫn còn đủ giá trị một quyển sử quan trọng.

Với Michelet, thiên hạ sắp môn sử vào văn học, nhưng với Augustin Thierry thì quan niệm của thế giới đã khác rồi. Ngày nay mặc dầu sử cứ còn được giảng ở các phân khoa văn khoa, ở bất cứ nước nào cũng thế, nhưng người ta vẫn xem nó là một khoa học gần như là chính xác, hay có tham vọng vươn tới sự chính xác.

Khoa học cốt đúng sự thật không gây ngộ nhận, chớ không ham cạnh tranh với văn chương.

Là khoa học, môn sử phải có căn bản và tiêu chuẩn khoa học.

Giáo sư Kim Định đã gây ngộ nhận (*Việt lý tổ nguyên*) làm cho nhiều người tưởng lầm rằng chỉ dùng khoa học để viết sử không còn hợp thời nữa, và ở Âu Mỹ, người ta dùng huyền thoại và truyền thuyết.

Làm gì có chuyện ấy. Những quyển sách mà giáo sư ám chỉ đến, chúng tôi đều có đọc, giáo sư đọc Granet nhiều nhứt, chúng tôi cũng đọc Granet nhiều nhứt. Và chính Granet khoa học triệt để đó chớ. Họ chỉ bổ túc những điểm sử thiếu tài liệu chính xác bằng truyền thuyết và huyền thoại, chớ họ không bao giờ dám đặt Mythos lên trên Logos cả.

Sự bổ túc ấy thỏa mãn được nỗi bực tức của kẻ bí vì thiếu tài liệu, nhưng không hề được xem là sự thật, mà chỉ là sự thật thoáng thấy, có khi đúng, có khi không, nhưng những người dùng phương pháp đó, phải là những nhà khoa học lỗi lạc, tức họ sử dụng sự mơ hồ một cách rất khoa học, chớ không phải vá víu càn bừa.

Nhưng Granet không có viết sử. Ông chỉ tìm hiểu văn minh cổ của Tàu qua các cổ thư Tàu, nhứt là qua *Kinh Thi*. Ông đã thấy được một cách bất ngờ những điều mà chính người Tàu cũng không thấy, từ hơn hai ngàn năm nay. Nhưng ông vẫn có những kết luận sai, kể cả ông H. Maspéro, cũng là người dựa theo Granet thường nhứt, bởi những điều mà các ông ấy thoáng thấy và ngỡ là đúng, chỉ là thoáng thấy. Các ông ấy đã lầm mà không hay biết, mà nay khoa khảo tiền sử và khoa chủng tộc học đã cho thấy là các ông ấy sai ở rất nhiều điểm.



Về nguồn gốc của một dân tộc thì khoa học chỉ nhìn nhận có ba chứng tích sau đây:

1. Khoa chủng tộc học
2. Khoa khảo tiền sử
3. Khoa ngôn ngữ tỷ hiệu (études comparatives des langues).

Sở dĩ ba cuộc sa lầy nói trên mà đã xảy ra, chỉ vì các sử gia đã bất chấp cái căn bản khoa học đó. Có người muốn sử dụng nó, nhưng không đủ điều kiện, thí dụ giáo sư đại học Nguyễn Phương đã sử dụng khoa khảo tiền sử, nhưng chỉ vì đọc có tài liệu Đông Pháp, nên hóa ra như không có sử dụng khoa khảo tiền sử. Ông chỉ khai thác khoa khảo tiền sử có một phần mười là các công trình đào bới ở Bắc Việt, trong khi đó thì dân ta lại từ 15 ngàn cây số cách đó, di cư đến mà không phải là từ các đảo Mã Lai đâu nhé, hóa ra, có tiến bộ, ông vẫn sa lầy như L. Arousse là người dùng đọc một nguồn sử Tàu.

Chỉ khi nào thiếu ba chứng tích nói trên, người ta mới bắt buộc dùng huyền thoại và truyền thuyết. Nhưng đó không phải là trường hợp của dân tộc ta. Ta còn đủ cả ba chứng tích mà còn một cách chính xác ngoài sức tưởng tượng của những người không tìm tòi học hỏi.

Người có sách sau hơn hết là giáo sư đại học Kim Định. Nhưng ông này thì công khai tuyên bố rằng không thềm sử dụng khoa khảo tiền sử vì nó mơ hồ (*Việt lý tổ nguyên*).

Nhưng chúng tôi có bằng chứng chắc chắn trong tay rằng giáo sư Kim Định không hay biết kết quả của khoa khảo tiền sử ở Á Đông nên mới dám nói như thế. Kết quả ấy đúng và chính xác đến làm cho người ta có cảm giác rằng họ nhìn được vào quá khứ u minh bằng một con mắt thần, không có mơ hồ một chút xíu nào hết.

Đây là bằng chứng cho thấy giáo sư Kim Định chưa biết kết quả của khoa khảo tiền sử ở Á Đông.

Kết quả ấy có đã lâu rồi, nhưng chúng tôi không có được, vì như đã nói, phần lớn chưa in thành sách, còn tạp chí thì tàn nát khắp thế giới, lại viết bằng nhiều thứ tiếng mà chúng tôi không thạo. Nhưng ông G. Cocard đã tóm lược lại trong một quyển sách xuất bản tại Ba Lê năm 1962, mà mãi cho đến năm 1964 chúng tôi mới được đọc.

Theo kết quả đó thì chúng Mã Lai từ Hoa Bắc di cư đến Đông Nam Á cách đây năm ngàn năm.

Trong khi đó thì giáo sư Kim Định, sau khi bác bỏ nguồn gốc Mã Lai bởi ngộ nhận vì lời của ông O. Jansé, khuyên ta đừng tìm nguồn gốc tổ tiên ta trong khối Mã Lai ở phương Nam. Ông nói thế vì ông chỉ biết có khoa địa lý sai vào các thế kỷ XVII, XVIII, XIX, khoa đó cho rằng chúng Mã Lai phát tích tại Nam Dương, và ông chỉ biết có vạ Đông Sơn là một cuộc sa lầy.

Không thể chối cãi rằng giáo sư không có học khoa khảo tiền sử. Ấy thế mà giáo sư lại dám lên án rằng nó mơ hồ, trong khi nó chính xác một cách làm ta kinh ngạc.

Nếu có học khoa ấy, ông đã biết rằng sách xưa nói đến gốc phương Nam của Mã Lai chúng là sai, ông đâu có khuyên ta đừng tìm gốc nơi khối Mã Lai ở phương Nam.

(Nhưng thật ra thì Mã Lai chúng cũng không có nguồn gốc ở Hoa Bắc đâu. Chúng đó xuất phát từ phía Tây nước Tàu, quanh Cao nguyên Tây Tạng, nhứt là dưới chơn núi Himalaya, như ta sẽ thấy ở các chương sau).

Nhà triết học Kim Định có ý kiến khác hơn giới khoa học về vấn đề căn bản sử. Theo vị giáo sư đại học triết đó (V.L.T.N. trang 35), thì “Đám tân học nay lại chỉ căn cứ trên một số sử kiện khách quan quá hẹp hòi”.

Thật tình thì đám tân học không căn cứ trên sử kiện, mà trên sự kiện nhưng không có hẹp hòi chút nào cả, chỉ vì họ biết chắc một trăm phần trăm rằng nhảy ra khỏi vòng rào sự kiện là sai. Và khoa viết sử nghiêm khắc của họ càng ngày càng chính xác, nó tiến chậm, nhưng trên những bước vững chắc vô địch.

Ở trang 58 và 59 giáo sư cho rằng Tần là chính gốc Viêm tộc mà theo giáo sư Viêm tộc là Việt tộc.

Nhưng sao Tàu lại có câu tục ngữ ngàn đời “Tân phi Việt sáu?”. Nếu Tần là Việt thì phải Sáu y hệt như Việt ấy chớ?

Nói như thế xong thì ở trang 216, ông lại cho rằng văn minh phương Tây là của Hoa tộc, văn minh phương Đông là của Việt tộc, và ở trang 217 ông phát triển cái ý đó ra là bên Chiêu vì là Việt văn minh nên được trọng, và ở trang 218 ông lại cho rằng Tần là đại diện Tàu du mục và hung hãn từ Tây tràn sang Đông tàn phá văn minh của Việt ở đó.

Vậy Tần là Việt hay là Tàu đây?

Muốn biết Tần là Tàu hay Việt mà Việt là ai, bọn tân học và khoa học thì chung như nhứt, chỉ bằng vào cái sọ mà hễ nói rồi là không nói ngược lại như ông ở trang 58-59 và trang 218.

Cứ hẹp hòi, dốt nát như bọn tân học vậy mà có đầu có đuôi, người học sử còn biết đầu là đầu, chớ lung tung thì chẳng ai còn biết ai là ai nữa. Tần là Việt, nhưng Tần lại *phi*, Việt lại *sáu*, Tần là Việt, nhưng lại là Tàu phương Tây tàn phá văn minh Việt ở phương Đông.

Rốt cuộc người học sử cứ vẫn như chưa học vì vẫn chưa biết Tần là Tàu hay là Việt.

Muốn biết Tần là Tàu hay là Việt thì quá dễ. Cứ học lại sử Tàu (sử thành văn chớ không phải truyền thuyết). Nhà Thương phong cho tổ nhà Chu là người Tàu cái đất Thiểm Tây cũng gọi là đất Kiêu (đọc theo miền Bắc là Cảo) để tiêu diệt rợ Khuyển Nhung.

Khi nhà Chu lên thay thế cho nhà Thương thì nhà Chu cũng lại phong cho một người Tàu khác là tổ của nhà Tần để tiếp tục công việc diệt rợ Khuyển Nhung ở đó, vì khi xâm nhập vào Hoa Bắc họ định cư ở Sơn Tây mà chùa Thiểm Tây ra vì đó là đất của Khuyển Nhung, một thứ dân Lạc bộ Chuyện, rất dữ tợn mà họ phải mất hàng ngàn năm mới tiêu diệt được.

Thế thì Tần làm sao mà là Việt, mà là Khuyển Nhung được hờ trời!

\* \*

Nhưng nếu có ai học khoa khảo tiền sử và biết kết quả của các công trình đào bới ở Á Châu, và nhứt là hiểu được những danh từ bác học trong đó, cũng không viết về nguồn gốc của dân ta mà đúng được, vì phải kiểm soát lại khoa đó bằng hai khoa quan trọng khác là khoa chủng tộc học và ngôn ngữ tỷ hiệu, như đã nói.

Khoa khảo tiền sử cho biết chúng Mã Lai từ Hoa Bắc di cư sang Đại Hàn, Nhật Bản, Đài Loan, Đông Nam Á và Nam Dương. Chỉ có thế thôi. Họ có đủ bằng chứng là cái sọ và dụng cụ của chúng đó trên lộ trình di cư. Nhưng cái sọ của dân ta là sọ Tàu như sử gia Nguyễn Phương đã quả quyết, hay là sọ Mọi? Ngôn ngữ của ta là tiếng Tàu như sử gia Nguyễn Phương đã khẳng định hay là tiếng Tây?

Ấy thế, ba khoa đó kiểm soát lẫn nhau một cách chằng chịt mà nếu học sót một khoa là không làm nên việc rồi, phương chi đa số lại bất chấp cả ba khoa căn bản ấy, còn giáo sư Nguyễn Phương có kể đến một khoa, nhưng lại chỉ biết phiến diện là công trình đào bới ở Bắc Việt mà thôi, lại không hiểu Anh-Đô-Nê-Diêng có nghĩa là cổ Mã Lai.

Chúng tôi làm việc theo phương pháp quốc tế là sử dụng ba khoa nói trên làm chứng tích chủ lực, và theo tinh thần quốc tế là tinh thần khoa học.

Tuy nhiên, những yếu tố phụ thuộc vẫn được dùng để kiểm soát thêm, thí dụ truyền thuyết Việt Nam, thượng cổ sử Trung Hoa, Ấn Độ v.v.

Nơi đây cũng xin nhắc lại ông Kim Định. Giáo sư đại học Kim Định đã vợ dũa cả nắm, mạt sát những người Việt Nam làm việc theo tinh thần khoa học là bọn học chưa tiêu hóa mà muốn bảo hoàng hơn ông vua, không hay biết rằng Âu Mỹ đã bỏ khoa học trong địa hạt tìm vết xưa mà trở về với huyền thoại và truyền thuyết nhiều hơn.

Sự thật thì ở xứ ta quả có một bọn khoa học tập sự, chưa tiêu hóa nổi tinh thần Cartésien và bảo hoàng hơn vua, nhưng không phải là người Việt Nam nào cũng thế.

Mà chính giáo sư mới là chưa tiêu hóa nổi tinh thần làm việc mới của Âu Mỹ là trở về với huyền thoại và truyền thuyết. Họ dung hòa, chớ không bao giờ họ bỏ khoa học của họ.

Giáo sư cũng chủ trương rằng mình dung hòa, nhưng trong *Việt lý tổ nguyên*, ta thấy giáo sư bỏ tinh thần khoa học từ trang đầu đến trang chót, tưởng tượng cái gì nói cái ấy ra, theo ý muốn của mình, bất chấp cả những sự kiện lịch sử rõ ràng nhứt mà không ai cãi được hết.

Giáo sư chỉ đọc có Colani, Mansuy mà ngày nay đã bị thấy là sai rồi, nhưng giáo sư không hay, cứ trích dẫn họ, rồi lại chê khoa khảo tiền sử là mơ hồ, trong khi nó đúng một trăm phần trăm. Giáo sư dựng đứng lên một chủng tộc, chúng không bao giờ có mặt trên quả địa cầu.

Giáo sư có những quả quyết bất chấp lý trí sơ đẳng, không cần gán tội cho khoa học, người thường cũng không ai nhìn nhận quả quyết đó.

Thí dụ Tư Mã Thiên cho rằng dân Sở họ *Mị*. Giáo sư bảo rằng *Mị* do *Mễ* đọc trại ra, mà *Mễ* là vì dân Việt ở nước Sở theo văn minh nông nghiệp, có lúa gạo.

Sự thật thì văn Tàu nói không minh bạch chớ chỉ có vua nước Sở tức tổ tiên của họ Hùng là mang họ *Mị* còn dân thì không. Dân Sở đông bao nhiêu, ta không thể biết, nhưng cứ bằng vào quân số mà Tần dùng để đánh Sở, mà sử Tàu có chép là 600 ngàn, thì ta ước lượng nước Sở phải đông lổi 10 triệu dân.

Nếu 10 triệu người đều mang họ *Mị* cả thì làm thế nào để kết hôn với nhau?

Đó là chúng tôi suy luận để biết sự thật, vì thấy Tư Mã Thiên viết một điều kỳ diệu, nhưng rồi sự thật ấy cũng hiện rõ ra ở các sách khác, là chỉ có tổ của họ Hùng là ngày xưa mang họ *Mị*, còn dân thì không, vì dân đã di cư vào Kinh Cúc 500 năm trước khi họ Hùng được phong tước Tử ở Sở.

Dân đó mang đủ thứ họ, y như ở Hoa Bắc, chớ không hề mang họ *Mễ*, mặc dầu họ trồng *Mễ* và ăn *Mễ*, khác hơn dân Hoa Bắc.

Hơn thế tổ tiên của vua nước Sở lấy họ *Mị* vào thời mà dân Trung Hoa chưa biết lúa gạo, thời chưa có nước Sở, chưa được phong ở Sở mà ở Hoa Bắc thì cây *Mễ* lại không mọc được.

Như vậy làm thế nào để họ biết *Mễ* hầu dùng cái từ đó để làm **Họ** rồi biến âm ra là **Mị**?

Ta sẽ thấy rằng mãi cho đến ngày nay, dân Hoa Bắc vẫn ăn lúa mì, vì cây *Mễ* không mọc được ở đó. Chỉ có khác là nhờ thông thương dễ nên họ biết cây *Mễ* và danh từ *Mễ*, còn vào thời mà tổ tiên của họ Hùng còn lấy họ **Mị**, chưa cải sang họ Hùng thì Hoa Bắc không biết *Mễ*.

Hai chữ đó lại đọc hơi giống nhau là hơi giống trong Việt ngữ chớ trong Hoa ngữ thì không, mà tự dạng cũng rất khác nhau, không thể có vấn đề lầm lẫn được.

Lần lượt ta sẽ thấy rằng giáo sư Kim Định không có dung hòa gì cả mà hoàn toàn tưởng tượng để lập thuyết theo ý muốn của ông.

\*

\* \*

Phương pháp khoa học quá khắt khe thường làm cho thiên hạ bí, vấp ngã khi làm việc theo phương pháp, đành phải bỏ dở công trình, thành thử nhiều người có thiện chí tức mình, đâm ra oán ghét nó, mà tiêu biểu nhất là nhà học giả Lê Văn Siêu.

Chúng tôi nói tiêu biểu là ông Lê Văn Siêu là người độc nhất đủ can đảm tấn công một cách nghiêm trang phương pháp học và tinh thần khoa học, chớ không phải chửi bậy bạ như nhiều người khác, họ cho rằng Tây muốn đim ta nên bày ra những hàng rào ngăn đón để ta không làm việc được.

Ông Lê Văn Siêu cho rằng phương pháp học quá "*cứng rắn*" đối với trường hợp Đông Sơn nó là "một ngoại lệ" (?), ngoại lệ vì lớp sơn Trung Hoa quá dày đã xóa gần hết rồi, còn làm sao mà tìm ra cái gì cho được nữa.

Ông Lê Văn Siêu chủ trương “*biến phương pháp học theo đối tượng nghiên cứu*”, còn các nhà bác học Âu Châu thì “*ép đối tượng nghiên cứu theo phương pháp học*”.

Nhưng phương pháp học không phải được lập ra không cân nhắc. Không ai mua dây buộc mình làm gì, mà chỉ vì không có phương pháp học thì phải sai lầm nên các nhà bác học mới cúi đầu khuất phục phương pháp học.

Ông Lê Văn Siêu đã sai lầm ngay tức thì, sau khi bất chấp phương pháp học, sau khi “*biến*”, sau khi “*đẽ dãi*” trong việc nghiên cứu.

Ông viết: “*Ta phải kết luận rằng gốc chính nằm ở trung bộ đồng bằng sông Mã, tức Thanh Hóa bây giờ, mà không phải ở Phong Châu (Phú Thọ), (trang 57).*”

Ông kết luận như vậy, bất kể khoa học, vì ông thấy quả cổ vật đã đào được ở Thanh Hóa. Nhưng để rồi xem.

Rồi ông lại cắt nghĩa tại sao trung tâm lại ở Thanh Hóa “*Muốn tới Phong Châu, phải vượt qua cả một vùng lầy lội (vì) nước biển Bắc Việt còn lênh láng tới Việt Trì bây giờ*”.

Nhưng những cuộc khai quật liên tiếp từ năm 1924 đến năm 1970 đã chứng tỏ hai điều trái hẳn với kết luận của ông Lê Văn Siêu:

1. Cổ vật của nền văn minh Đông Sơn tại lưu vực sông Nhị Hà, sáu lần nhiều hơn tại lưu vực sông Mã.

Phương pháp học đã phải nín im non 40 năm mới dám kết luận, và phương pháp học đúng, còn ông Lê Văn Siêu, vì bất chấp phương pháp học thì như thế đó. Phương pháp học không cho phép kết luận cái gì hết khi chưa có bằng chứng. Chưa đào đủ khắp nơi, sao lại dám quả quyết rằng trung tâm văn minh là ở Thanh Hóa?

Chỉ có sự vắng mặt của cổ vật ở các nơi khác; hoặc sự hiếm hoi của các cổ vật ở các nơi khác mới là bằng chứng rằng trung tâm là Thanh Hóa. Khoa học có lý mà cứng rắn, và các nhà khảo cứu có lý mà nộ lệ khoa học.

2. Cuộc khai quật ở Việt Khê (Hải Phòng) đã cho thu lượm được cổ vật trước thời Đông Chu Liệt Quốc, cổ vật nhập cảng, chưa được dùng tới vì chưa có dấu vết được dùng tới. Thế nghĩa là dưới thời Đông Chu Liệt Quốc, vịnh Bắc Việt đã thành hình rồi chớ không hề có vấn đề nước biển lênh láng tới Việt Trì.

Phương pháp học không cho phép tưởng tượng để quả quyết cái gì hết. Muốn biết thuở ấy tại vịnh Bắc Việt, có đất hay chưa, chỉ có một phương pháp độc nhất là nghiên cứu đất ở Hải Phòng để xem coi đó là đất còn trinh, đất mới bồi, hay đất có chứa cổ vật, mà cổ đến mức nào, tức phải định tuổi đích xác cổ vật đào được. Thấy đồ Tàu thời Đông Chu, không có nghĩa là đồ ấy được chôn ở đó vào thời Đông Chu mà còn phải xem bằng kính hiển vi coi nó có được dùng lần nào chưa. Nếu đồ đã được dùng thì có thể người ta nhập cảng vào Việt Trì thời Đông Chu, dùng cho tới thời Đinh Bộ Lĩnh, nó mới trôi dạt tới Hải Phòng. Cổ vật Hải Phòng không có dấu vết được dùng thì mới kết luận được rằng đúng là cổ vật bị chôn vào thời ấy, và ở đó đã có đất rồi, hơn thế, đó là đất trọng yếu vì cổ vật tìm thấy trong một ngôi mộ, rất

có vẻ là mộ vua, bằng vào sức lớn của chiếc hòm (săng), chiếc hòm ấy dài tới 4th70, trong khi những chiếc hòm kế cận và đồng thời, chỉ dài có 2 thước mà thôi.

Sử gia Nguyễn Phương cũng đã dựa vào sự đất chưa thành hình ở đó để bác thuyết của Madolle.

Nhưng cả ông Lê Văn Siêu lẫn giáo sư Nguyễn Phương đều không có đọc sách địa chất học về Đông Dương. Sách ấy đã có rồi vào năm mà hai ông bác bỏ người khác, các sách ấy cho biết rằng đất châu thổ Bắc Việt đã thành hình hẳn từ sáu bảy chục ngàn năm rồi.

Tiếc rằng cuốn sách phổ thông *Lịch sử thành lập đất Việt* ra đời quá trễ (cuối 1970).

Cuộc đào mộ ở Việt Khê là chứng tích của Việt Nam do sự tình cờ hơn là do khoa học. Chứng tích của ông G. Cocard còn kinh hồn hơn nữa.

Ông nghiên cứu tỉ mỉ địa chất ở bờ biển Bắc Việt với những con số đích xác, và ông cho thấy các con số sau đây:

1. Từ năm 1830 đến năm 1930 đất lấn ra biển được 10 cây số trong vòng 1 trăm năm đó.
2. Nhưng từ 1470 đến 1830 thì chỉ lấn được có 3 cây số mỗi một trăm năm.

Tại sao mà xưa đất lấn ra ít mà nay thì nhiều? Nay có những ông Phạm Công Trứ, còn xưa thì không, càng xưa càng không. Chính ở miền Nam cũng vậy. Đất phù sa ở bờ biển, không thể thành đất được, nếu con người không xen vào, đắp đê, trồng mắm, trồng tràm, để cho phù sa chìm, nổi lên. Phù sa có tuôn ra thật đó, nhưng nó cứ ở dưới mặt biển khá sâu, và bờ biển xưa sao, nay vậy, nếu không có công trình nhân tạo. Từ 1830 thì dân ta noi gương Phạm Công Trứ tự động biến thương hải thành tang điền, còn trước Phạm Công Trứ thì đất đai ta xưa nay không khác bao nhiêu.

Bờ biển Trung Việt thì lại lở, nhưng cũng chẳng bao nhiêu. Việc lở bồi phải mất hàng trăm ngàn năm, chớ hàng ngàn năm cũng chẳng cho thấy gì đáng kể, khoa địa chất học đã chứng minh như vậy.

Kỹ thuật lấn đất cũng do ông Phạm Công Trứ phát minh ra năm 1660 nhưng từ 1660 đến 1830, không phải dân ta bắt chước được như từ 1830 về sau, bởi thường có giặc giã, biến loạn, và lại thuở ấy cũng chưa thiếu đất một cách bi thảm như từ năm 1830, nên tuy sáng kiến đã có nhưng trong (1830-1660) 170 năm đầu thì sự áp dụng không đáng kể. Nhưng cũng còn tùy nơi. Như ở Việt Khê thì xưa sao nay vậy vì phù sa không phải nằm bất kỳ ở đâu, dọc theo bờ biển, mà tùy thuộc dòng nước biển ngấm rất nhiều.

Trường hợp điển hình như là sông Cửu Long. Sông ấy đưa phù sa ra biển còn nhiều hơn sông Hồng Hà nữa. Thế mà theo nghiên cứu của ông Malleret thì đất ở các cửa biển Cửu Long từ xưa đến nay không được bồi thêm chút nào cả!

Vậy phù sa ấy đi đâu? Nó đánh một vòng thật lớn, đi qua khỏi mũi Cà Mau rồi nó mới tấp vô bờ, nhờ ảnh hưởng của gió mùa Tây Bắc tại miền Nam nước Việt.

Nhưng nếu ông Lê Văn Siêu không có học địa chất Việt Nam, ông cũng có thể biết được rằng ông sai lầm, bằng vào những đoạn sử Tàu đã được phổ thông từ lâu rồi.

*Hậu Hán thư* cho biết rằng thuở Mã Viện tới, tức sau khi người Đông Sơn được chôn có 31 năm, thì dân Giao Chỉ đã giỏi làm ruộng, còn dân Cửu Chơn thì còn săn bắn và câu kéo.

Thanh Hóa thuộc Cửu Chơn. Làm thế nào mà trung tâm lại nằm ở cái nơi mà dân chưa biết trồng trọt, chớ không phải ở cái nơi mà dân đã giỏi làm ruộng.

*Hậu Hán thư* lại cho biết rằng luật pháp của Giao Chỉ khác luật pháp Tàu đến 10 điều. (Thành ngữ Tàu “Khác 10 điều, có nghĩa là mỗi-mỗi mỗi khác). Thế nghĩa là Giao Chỉ đã có luật pháp, còn Cửu Chơn thì không?

Sao trung tâm lại nằm ở nơi man dã được?

Trên đây chỉ là suy luận, nhưng suy luận cũng là một yếu tố mà phương pháp học thường dùng, khi nào không có tài liệu.

Tưởng mấy trường hợp nêu ra trên đây đủ chứng minh giá trị không thể chối cãi của phương pháp học mà nếu bỏ học đi, hoặc mềm dẻo một chút là các nhà khảo cứu sẽ phải đi từ sai lầm này đến sai lầm khác.

Khoa học cho phép lập giả thuyết, khi nào tuyệt đối không có tài liệu. Nhưng lập xong, phải kiểm soát giả thuyết bằng những sự kiện khác xem có ăn khớp với giả thuyết đó hay không. Việc lập giả thuyết thì quá dễ, nhưng kiểm soát thì khó khăn vô cùng, chính vì việc kiểm soát đòi hỏi phải biết quá nhiều việc khác.

Ông Lê Văn Siêu, ở trang 114 đã lập ra cái giả thuyết này là loạn Chiến Quốc bên Tàu, đã khiến một số hảo hán Trung Hoa chạy trốn sang Thanh Hóa (cũng cứ Thanh Hóa) và chính bọn ấy đã dạy vua An Dương Vương bí quyết chế tạo nỏ.

Ông Lê chứng minh giả thuyết đó bằng luận cứ này: tại sao khi thua Triệu Đà, An Dương Vương không chạy đi hướng nào khác mà chạy về phía Thanh Hóa, có phải chăng là để tìm các tay hảo hán đó? Ta thử kiểm soát lại xem:

1. Vua An Dương Vương làm thế nào để chạy hướng khác được? Bắc là Triệu Đà, Đông là biển cả, Tây là nước nào đó, vào thuở ấy, cái nước có nền văn minh cánh Đông Chum ấy chẳng? Ông ta chỉ còn hướng Nam là đất Cửu Chơn, tức đất Việt, thì ông không chạy về đó sao được, chớ nào phải để tìm hảo hán tưởng tượng nào đâu.
2. Trong chương *Ngôn ngữ*, chúng tôi sẽ chứng minh rằng cái Nỏ là phát minh của chủng Mã Lai Bách Việt và Trung Hoa đã học của Mã Lai Bách Việt tại đất Kinh Man, cách chế tạo vũ khí đó cả danh từ Nỏ của Trung Hoa cũng là phiên âm danh từ Pnả của Mã Lai nữa.

Nhưng mà, phải biết tiếng Mã Lai, và biết khoa chiết tự để tìm nguồn gốc của tự dạng *Nỏ* của Tàu, như vậy hơi nhọc trong việc kiểm soát giả thuyết lắm.

Ông Lê Văn Siêu luôn luôn công kích những đòi hỏi khắt khe của khoa học, vì ông tin rằng không còn dấu vết cũ nào đâu mà mong tìm tòi. Nhưng tại chính ông không

hề tìm tòi và cũng không hề theo dõi các nhà tìm tòi, chớ thật ra thì còn rất nhiều, càng ngày người ta càng khám phá được đủ thứ việc, không phải chỉ dưới lòng đất sâu, mà ngay trong sử Tàu xưa, tài liệu cũng đã nằm sẵn ở đó rồi, tại ta không có đọc kỹ đó thôi, thí dụ Đào Duy Anh đã tìm được một lô cổ thư Trung Hoa nói về trống đồng của dân Việt ở Hoa Nam, mà trước đó không sử gia nào có đọc những sách ấy cả.

Ông Lê tin rằng tình trạng ở xứ ta khác, vì không có những kiến trúc bằng đá như ở Âu Châu, nơi đó tài liệu rất dồi dào phong phú.

Nhưng có đâu chuyện ấy ở Âu Châu? Đời sống của dân Gô Loa trước khi họ bị La Mã chinh phục, người Pháp cũng tưởng là không còn gì cả, cách đây ba trăm năm, y như ông Lê Văn Siêu ngày nay tin như vậy, đối với nước ta. Thế mà rồi các nhà khảo cổ Pháp họ cũng tìm được cả, tôn giáo Druidisme ra sao, Gô Loa đắp lũy thế nào, rèn vũ khí làm sao, họ tìm được cả và vẽ đúng lại được đời sống của Gô Loa, mà Pháp lại không có lấy được một chiếc trống đồng thau để mà nghiên cứu như ta đã có hàng trăm và hàng ngàn món bằng đồng khác. Dân Gô Loa đâu có xây cất bằng đá bao giờ.

Nghe các nhà bác học Âu Mỹ đòi chứng tích, ông Lê Văn Siêu lại nghi oan cho họ, và viết (trang 27) *“Chúng ta không cần suy nghĩ nhiều cũng thấy ngay chứng tích và tài liệu, phần lớn chỉ là những thứ để đón ý kẻ mạnh”*.

Kẻ mạnh bị ám chỉ ở đây hẳn là người Pháp tiền chiến. Và nếu ta đưa ra được chứng tích mà họ đòi hỏi là cái đẳng thức:

Việt Nam = Mã Lai

thì họ hưởng được cái gì? Được ăn hiếp ta mạnh tay hơn chăng?

Hoặc được khinh ta nhiều hơn chăng? Không, họ chỉ có hại mà không có lợi, vì cách đó một trăm năm, họ vừa khám phá ra được một quá trình văn minh lớn của Mã Lai ở Nam Dương. Ta sẽ hãnh diện hơn, bớt mặc cảm hơn, và họ sẽ khó trị ta hơn.

Kẻ đưa ra chứng tích không hề đón ý kẻ mạnh nào hết. Và giờ đây, kẻ mạnh đó không còn, sao chúng tôi và bao nhiêu nhà khoa học đều cứ cần đưa ra chứng tích, để đón ý ai đây? Giới khảo cổ Thụy Điển chẳng hạn, cũng cứ đòi chứng tích, nhưng họ có cai trị ta bao giờ đâu, họ có bao giờ là kẻ mạnh thích được ta đón ý bao giờ đâu? Thụy Điển đòi ta đón ý họ để làm gì kia chớ?

Ông Lê Văn Siêu bất chấp khoa học và ông có những lập luận rất lạ lùng trong quyển sách của ông. Ở trang 116, ông cho rằng dân Giao Chi đón tiếp dân Việt ở Dương Tử chạy loạn Chiến quốc xuống xứ lạ, rồi đồng hóa được họ, nếu không *“đất Bắc Việt đã trở thành một tỉnh của Trung Quốc từ lâu”*.

Câu sử của ông Lê Văn Siêu thật là lạ kỳ. Theo lối dùng chữ của ông, ta phải hiểu rằng dân Giao Chi không phải là Việt. Thế nên họ mới đồng hóa Việt Dương Tử, chớ nếu họ cũng là Việt thì làm gì có sự kiện nhóm Việt A đồng hóa nhóm Việt B. Họ tự nhiên mà có chung văn hóa với nhau, mặc dầu họ ở hai địa bàn khác nhau.



Chúng ta chỉ biết đoán mò chớ không thể hiểu được câu sử kỳ diệu của ông. Chúng ta giả thiết:

1. Ông Lê Văn Siêu cho rằng dân Giao Chỉ không phải là Việt. Mà như thế là sai với sự kiện: người Tàu xưa gọi dân Giao Chỉ là Việt. Danh xưng Giao Chỉ có sau danh xưng Việt rất lâu mà cũng chỉ dùng để trỏ đất chớ không trỏ dân.
2. Ông Lê Văn Siêu vẫn biết rằng ta là Việt nhưng tin rằng Việt Dương Tử đã biến thành Tàu rồi. Ông dùng chữ nhiều khê như vậy để phân biệt hai nhóm Việt. Nói lối dùng chữ ấy nhiều khê vì viết như thế này, sẽ dễ hiểu hơn “Việt Giao Chỉ đã đồng hóa Việt Dương Tử, nhóm này đã biến thành Tàu rồi, theo văn hóa khác rồi”.

Nhưng sự đoán mò thứ nhì của ta lại vấp phải sự kiện văn minh của ta hiện nay mang đến 70 phần trăm yếu tố Trung Hoa. Sao kẻ đồng hóa lại bị tô màu của kẻ bị đồng hóa?

3. Bằng vào câu “Nếu không, đất Bắc Việt đã trở thành một tỉnh của Trung Hoa”, ta có thể hiểu rằng ông Lê Văn Siêu cho rằng Việt Dương Tử đã biến thành Tàu rồi.

Nhưng thành Tàu rồi, thì họ làm sao mà chạy ngang qua ba nước Việt mà Khổng Tử đã nói đến. Thật thế, trong Xuân thu, Khổng Tử cho biết rằng khi nước Sở cướp được nước Việt Cối Kê rồi thì tướng Ngô Khởi ký hiệp ước thân hữu với ba quốc gia độc lập ở dưới Cối Kê, mà ai cũng biết đó là ba quốc gia Việt không phải là Giao Chỉ: Đông Âu, Mân Việt và Tây Âu.

1. Nếu họ đã thành Tàu, thì không thế nào mà họ được phép chạy ngang qua ba quốc gia độc lập và khá hùng cường đó, hùng cường nên Tàu đã phải ký hiệp ước thân hữu.
2. Nếu họ *chưa* thành Tàu, thì họ mà có chiếm được Giao Chỉ thì làm thế nào mà Giao Chỉ lại *biến thành một tỉnh của Trung Quốc* vì họ không là Tàu kia mà!

Nếu họ chưa thành Tàu, mà rủi ro họ thắng ta thì ta vẫn không bao giờ biến thành một tỉnh Trung Quốc mà chỉ biến thành một nước trong đó gồm có hai thứ Việt.

Câu sử kỳ dị của ông Lê Văn Siêu rất hữu lý với người bất kể đến phương pháp học, nhưng nó lại không thể hiểu được đối với người khác, không cần gì là nhà khoa học, tiềm nhiệm tinh thần khoa học, mà người thường nhưng biết suy luận theo lẽ phải cũng không thể hiểu được câu sử đó muốn nói gì bởi nó mâu thuẫn rồi ren hết, mà như vậy cũng chỉ vì tác giả không kể đến phương pháp nào hết.

Phương pháp đó là tự hỏi xem có phải ta là Việt hay không? Nếu không, sao Mã Viện lại gọi ta là Việt?

Nếu ta là Việt thì sự kiện Việt dưới đồng hóa Việt trên không hề xảy ra vì tất cả các nhóm Việt đều có văn hóa giống nhau.

Rồi lại tự hỏi xem Việt Dương Tử đã thành Tàu chưa?

Nếu họ đã thành Tàu, họ đã không có quyền chạy qua ba nước Việt độc lập và hùng cường đến nỗi Tàu phải ký hiệp ước thân hữu, chớ không dám gọi là man di nữa.

Họ chưa thành Tàu thì làm gì lại có sự kiện Việt dưới đồng hóa Việt trên được.

Còn cái sự rủi ro không có xảy ra mà họ Lê cũng biết, là họ không thắng Việt dưới, sự rủi ro ấy nếu có, không sao biến Giao Chỉ thành một tỉnh Trung Hoa được cả vì chính kẻ thắng (nếu có thắng) không là Tàu, chưa thành Tàu kia mà! Nó chỉ biến Văn Lang thành một nước Việt trong đó có hai nhóm Việt nhập lại, và đồng văn hóa một cách đương nhiên chớ chẳng hề thành một tỉnh Tàu được.

Xin nhắc rằng câu sử của ông Lê Văn Siêu ngược lại với một câu sử khác, cũng sai, nhưng sai cách khác mà ông Hoàng Trọng Miên đã lặp lại, câu sử sai đó là của ông G. Cocardès, nguyên Viện trưởng Viện Viễn Đông bác cổ, ông ấy nói là người Việt Dương Tử tràn xuống, đuổi hết người Cổ Mã Lai lên núi rừng.

Câu sử này cũng sai tuốt. Người Thượng ở Cao nguyên và người Chăm đích thị là người Cổ Mã Lai đồng chủng với ta và cùng ta di cư xuống Cổ Việt **một lượt** với nhau, nhưng họ chiếm địa bàn bất lợi nên họ không tiến, sau đó họ lại không có thợ lành văn hóa của Tàu như ta, hoặc văn hóa Ấn Độ như Chăm để mà tiến thật mạnh như ta và Chăm. Nhưng mặc dầu sai, ông G. Cocardès vẫn có mạch lạc từ đầu đến cuối vì ông có tinh thần khoa học, chớ không mâu thuẫn lung tung như ông Lê Văn Siêu trong một câu thật ngắn. Và ông G. Cocardès đã tự đấm chảnh ông. Hai mươi năm sau, trong một quyển sách ra đời năm 1962, nhưng ông Hoàng Trọng Miên không hay biết lời đấm chảnh đó.

Theo phương pháp khoa học, phải kiểm soát lại giả thuyết, điều mà ông Lê Văn Siêu không có làm. Chúng tôi kiểm soát thì thấy như sau: Cuộc kiểm tra dân số của Mã Viện cho biết ở Giao Chỉ có 92.440 nhà, ở Cửu Chơn có 37.743 nhà.

Riêng huyện Tây Vu của Giao Chỉ đã có số nhà gần bằng toàn quận Cửu Chơn là 32 ngàn nhà. Như vậy, Đông Sơn, thuộc Cửu Chơn, không thể là trung tâm của nền văn minh Lạc Việt được vì luôn luôn trung tâm nằm giữa nơi nào đông dân cư nhất.

Vậy nếu không hay biết những cuộc khai quật liên tiếp nói trên, nếu không có đọc *Hậu Hán thư*, ông Lê Văn Siêu vẫn có thể kiểm soát kết luận của ông bằng cách đọc sử từ thời Mã Viện. Nhưng vì bất chấp khoa học, nên ông không có kiểm soát, vì sự kiểm soát là một yếu tố của cái khoa học mà ông không nhìn nhận.

*Ông có ám chỉ sơ đến một cuộc dời đổi trung tâm từ Thanh Hóa đến Bắc Việt*, nhưng không có bằng chứng, mà trái lại có bằng chứng ngược hẳn bao nhiêu cổ tích và ca dao của ta đều lấy khung cảnh núi Tản sông Đà, chớ không phải khung cảnh Thanh Hóa trừ một chuyện truyền thuyết độc nhất là truyện đền Thần Đồng cổ ở núi Khả Lao.

Đọc mấy trang này, có lẽ ông cho rằng cuộc kiểm tra dân số của Mã Viện không đáng tin, nên ông không dùng.

Nhưng thử hỏi Mã Viện bịa ra những con số đó để làm gì? Và y sẽ chết, vì vua Tàu sẽ cho người kiểm soát, bởi y đâu có phải là kẻ ở lại sau chiến tranh. Y không có lý do bịa, mà cũng không dám bịa.

Cái gì cũng còn cả, khoa học biết thế, nên cứ đòi hỏi gắt. Mà khoa học biết thế là nhờ kinh nghiệm. Khoa khảo cổ và khoa chủng tộc học dạy họ thấy chắc một trăm phần

trăm rằng sự sống sót của các chủng tộc cổ, các nền văn minh cổ, bị ai cố xóa đi, những thứ ấy trường thọ ngoài sức tưởng tượng của con người.

Chủ đất cũ của Ấn Độ, cách đây 6 ngàn năm, hiện cứ còn. Chủ đất thứ nhì là chủng Drawidien, bá chủ Ấn Độ cách đây 5000 cũng cứ còn và còn cả lâu dài, thành phố Harappa và Molienjo Daro vừa đào lên được cách đây không lâu mặc dầu bọn xâm lăng Aryen đã cố xóa tất cả.

Chúng tôi xin đưa ra một thí dụ điển hình nhứt về kết quả của việc kiểm soát giả thuyết và sử liệu.

Trong *Việt sử: Xứ Đàng trong*, tác giả là giáo sư Phan Khoang dựa vào *Đại Nam thực lục*, viết rằng người Anh, lập nghiệp ở Côn Đảo năm 1670 (đông 200 người) đã bị 15 người Mã Lai ăn tiền của quan trấn thủ Trấn Biên, tàn sát. Người Anh đến lập nghiệp mà *không xin phép* nên phải chịu cảnh đó.

Thấy mâu thuẫn trong câu sử ấy, 15 người không súng mà loại được 200 người có súng, giáo sư Nguyễn Thế Anh đã kiểm soát lại, và giáo sư tìm được giấy tờ của chúa Nguyễn Phúc Chu đã cho phép người Anh lập nghiệp ở Côn Đảo.

Khi mà Nguyễn Phúc Chu đã nhìn nhận hội buôn của Anh và đã cấp cái giấy phép đó thì chúa còn có quyền rút giấy phép lại mà không cần ra lệnh cho trấn thủ của Trấn Biên làm đặc công ở Côn Đảo làm gì.

Nếu đánh bằng tay không thì 200 người Anh vẫn thắng được 15 người Mã Lai dễ dàng, bởi đó là đặc công chỉ có dao, mà dao thì không đáng sợ chút nào.

Hễ thấy tài liệu không ổn thì luôn luôn phải kiểm soát lại và luôn luôn có tài liệu khác xác nhận hay đính chánh.

Có lẽ *Đại Nam thực lục* không hoàn toàn bịa. Soạn giả quyển đó có biết sự kiện quan trấn thủ Trấn Biên thuê điệp viên Mã Lai coi chừng người Anh. Rồi thì khi thấy người Anh rút đi mà không biết vì lẽ gì, soạn giả *Đại Nam thực lục* mới dùng sự có mặt của điệp viên để biến thành một trận Commando tưởng tượng. Nhưng người đời sau, phải thấy rằng *Đại Nam thực lục* đã viết một điều vô lý, không thể xảy ra được, cần kiểm soát lại người xưa mới xong. Khoa học là cái đó.

Từ này giờ, chúng tôi có vẻ nhắm vào ông Lê Văn Siêu hơi nhiều. Nhưng không phải thế. Về mặt cá nhân, chúng tôi rất mến ông, và về mặt học vấn, chúng tôi cũng rất khâm phục ông.

Ở đây chỉ là một quan niệm khảo cứu chọi với một quan niệm khảo cứu. Khi quan niệm khác nhau, thì cần có sự tranh luận. Và một người viết sách cần trình phương pháp của mình ra vì dĩ nhiên là y cần được người đọc đồng ý nhờ thấy sự vững vàng về phương pháp của y.

Chúng tôi thấy các nhà bác học Âu Châu họ sai lầm là vì họ không biết một số yếu tố mà thôi, chớ phương pháp của họ vẫn đúng và cần thiết để ngăn người nghiên cứu lập thuyết liêu lĩnh.

Nếu họ kết luận rằng người Đông Sơn là tổ tiên của ta thì phái học giả Việt Nam mà phủ nhận Đông Sơn, như ông Nguyễn Phương chẳng hạn, đòi hỏi bằng chứng, họ sẽ trả lời sao cho trôi?

Cho đến năm 1965 mà giáo sư đại học Nguyễn Phương còn đòi hỏi bằng chứng rằng Mã Lai Đông Sơn = Việt, thì ta phải nghiêng mình trước phương pháp học vậy, và phải tìm bằng chứng vậy.

Ông Lê Văn Siêu phàn nàn những nhà bác học ở Viện Viễn Đông Bác Cổ đo tài con người bằng uy tín bằng cấp. Sự thật thì không hề có vấn đề bằng cấp trong đó. Quả họ có bằng cấp cao thật đó, nhưng mà đó là bằng luật khoa, y khoa hay gì gì khoa, chớ không ông nào có bằng cấp khảo cổ, bằng ngôn ngữ cả, và thế giới đánh giá họ trên giá trị của công trình khảo cổ của họ, chớ những bằng cấp mà họ có, chẳng dính líu gì tới công việc của họ hết. Họ phần lớn là những người tự học trong bộ môn mà họ đeo đuổi. Ông Parmentier là một kiến trúc sư mà khoa kiến trúc đâu có là bằng cấp khảo cổ bao giờ?

Ông Lê lại nói rằng những thuyết của họ quá trống đánh xuôi kèn thổi ngược nên không có gì đáng cho ta phải bận tâm tới.

Không rõ ông Lê Văn Siêu có theo dõi những công trình khảo cổ ở Âu, Mỹ, Phi v.v. hay không. Không có vấn đề nào mà không đề ra ít lắm là 5 thuyết khác nhau, chớ không phải chỉ ở xứ ta mà thôi đâu. Nhưng rồi chỉ có một thuyết là đúng và vững như đá về mặt khoa học, và sự đúng này được nhiều kiểm soát, nhiều thử thách do các nhà bác học khác thử lửa nó, chớ không phải thiên hạ nhận nó đúng vì tình cảm nào hay quyền rũ nào.

Ngay nhà Nho Nhưộng Tống không thông khoa học mà còn phải nhìn nhận rằng không sao tránh được có nhiều thuyết xuôi ngược vì *“Tài liệu của sử học nguyên là một mớ lẫn lộn vàng thau. Sự lựa lọc thực là một chuyện trăm nghìn khó, nó khó đến nỗi khoa học phải định phương pháp hẳn hoi, vậy mà không phải ai ai cũng sáng suốt, cũng cẩn thận, đủ sức để theo những lời chỉ bảo ấy cho có kết quả”* (Trích một lời bình trong bản dịch *Sử ký* của Tư Mã Thiên).

Đã bảo Nhưộng Tống là một nhà Nho mà vẫn phải nhìn nhận sự dĩ nhiên của tình trạng ngược xuôi *cả khi phương pháp đã được bày ra rồi*.

Nhưộng Tống không có nói nhiều, nhưng ta vẫn hiểu được rằng nhà Nho ấy công nhận phương pháp và nhìn nhận sự ngược xuôi không thể tránh, và nhưt là hiểu rằng thế nào rồi cũng sẽ chỉ có một thuyết là đúng.

Ông Lê Văn Siêu đưa ra tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược để ngầm phủ nhận giá trị của phương pháp học, và ông trình bày thế nào mà người đọc cứ ngỡ là tình trạng xuôi ngược chỉ có ở Á Đông mà *phương pháp học không thể áp dụng được*, còn Âu Mỹ thì áp dụng xuôi rọt. Sự thật ngược hẳn lại. Ở Âu Mỹ người ta làm việc nhiều hơn, đông người tham dự hơn, nên xuôi ngược lại nhiều hơn ở Á Đông gấp bội.

Nội cái màu tóc của bà Jeanne d'Arc đã có đến 10 thuyết khác nhau rồi thì đủ biết phương pháp học có đi xuôi chèo mát mái mãi ở bên ấy hay chẳng.

Ông Lê Văn Siêu lại còn lo rằng các thuyết “*sai lầm*” của người Âu Châu về nền văn minh cổ của ta đã được trước bạ mất rồi trong giới quốc tế, giờ “*ta biết kêu với ai*”. Xin Lê tiên sinh đừng có lo. Từ ngày người Pháp đi mất, các hội nghiên cứu trên thế giới vẫn trao đổi tạp chí và sách vở với V.N.C.H. và có lẽ với Bắc Việt nữa, thế nghĩa là họ cứ theo dõi công việc do chính ta tiếp tục. Lo là lo ta tiếp tục không xong ấy thôi, bằng cách bỏ cả mọi phương pháp khoa học thì họ không còn coi ta ra gì nữa. Và cũng đừng tưởng rằng họ không đọc được tiếng Việt. Năm 1858, khi Pháp đến đây xâm lăng ta, không phải ông Trương Vĩnh Ký là thông ngôn đầu tiên đâu, và người thảo những thư từ đầu tiên bằng chữ Hán và chữ Nôm đều là người Pháp.

Sự trước bạ mà Lê tiên sinh lo sợ, không có nghĩa gì cả, chúng tôi vừa nói đến việc tự đính chánh của ông G. Cocardès 20 năm sau, một câu sử sai lầm.

Họ đủ lương tâm để tự đính chánh. Bằng như họ không biết họ sai, thì đã có người khác đính chánh. Tất cả những nghiên cứu về Chơn Lạp, Phù Nam, Lâm Ấp của các ông Tây trước năm 1945 đã bị các ông Tây khác đính chánh tất cả rồi, vì sự học hỏi của họ không bao giờ ngừng, và sự trước bạ ấy cũng chẳng có nghĩa gì hết.

Ông vẽ ra một con cò, một con ngựa, ông đưa lên sờ trước bạ để xin trước bạ, họ cũng nhận như thường, trước bạ chỉ để đánh dấu thời gian và chủ quyền chớ không hề là *chứng minh thư đúng sự thật*.

Theo ông Lê Văn Siêu thì nước Tàu và nước Pháp là nước thống trị thì những gì họ viết về ta là xuyên tạc không nên dùng.

Chúng tôi không hiểu khi Tàu bảo rằng dân ta đã có vua là Lạc Vương thì họ xuyên tạc cái gì. Trái lại họ còn gián tiếp giúp ta chống lại L. Aurousseau về sau, ông này bảo rằng ta còn sống dưới chế độ bộ lạc vào thời đó chớ không có vua.

Hơn thế khi họ nói đến những rợ Lạc ở Hoa Bắc *ba ngàn năm trước họ biết ta* thì họ xuyên tạc cái gì đây?

Theo Lê tiên sinh thì không có cái gì tin được cả, cổ sử Tàu, hoặc các chứng tích khác đều không dùng được.

Như thế chỉ còn biết suy luận viển vông, mà như vậy không còn là khảo cứu nữa, mà là viết luận thuyết rồi vậy.

Lê tiên sinh chủ trương phi phương pháp mà theo định nghĩa của tiên sinh là không nệ theo một lối suy luận nào mà tùy trường hợp để rộng tay áp dụng bất cứ phương pháp nào.

Thứ nhất, chủ trương đó tự nó mâu thuẫn với nó. Đã bảo là phi phương pháp rồi lại định nghĩa là phải uyển chuyển dùng nhiều phương pháp khác nhau. Thế thì phi ở chỗ nào? Đó là đa phương pháp chớ nào phải phi.

Và Lê tiên sinh có theo dõi các nhà bác học hay không, họ đâu có dùng một phương pháp bao giờ. Và họ luôn luôn uyển chuyển. Các ông Tây cho rằng những kiểu trang trí ở trống đồng Đông Sơn là do ảnh hưởng Lương Hà, ảnh hưởng Pont Euxin theo thuyết *truyền bá* của Đức nhưng Đại tá Abadie bác bỏ ngay, cho rằng nhiều phong tục, kỹ thuật ở thượng du Bắc Việt giống hết phong tục kỹ thuật ở vài

miền của nước Pháp, đó chỉ là tương đồng ngẫu nhiên, không hề có ảnh hưởng qua lại nào cả.

Không phải hề cứ một nhà bác học nói bậy là bao nhiêu nhà bác học khác đều phụ họa theo, và họ dùng đủ cả các phương pháp chứ không hề cứng ngắt như Lê tiên sinh đã nói.

Nhưng sử Tàu và nghiên cứu Âu Mỹ có sai, ta thấy ngay tức thì, nếu ta biết phê phán. Và họ vẫn có đúng, chứ không phải là sai toàn loạt như Lê tiên sinh tưởng. Và họ đúng rất nhiều.

\*

\* \*

Các nhà bác học, các nhà học giả, các sử gia ta lại có cái khuyết điểm này là họ lập trước một giả thuyết rồi cố lượm lặt những gì khả dĩ củng cố được giả thuyết của họ để chứng minh giả thuyết đó. Lối làm việc ấy thường đưa ta tới sai lầm, vì chính con người của ta chủ quan, tìm đủ cách để giúp cho ta có lý.

Phải làm việc với một khối óc và một tấm lòng trong trợn định kiến, không buồn đoán tổ tiên là ai, để chính sự việc tự do đưa ta tới cái đích nào đó, có thể cái đích đó mới thật là cái đích không bị khuynh hướng nào hướng dẫn tới cả mà chỉ có tài liệu và sự kiện cho xuất hiện ra mà thôi.

Tổ tiên ta là Tây, là Tàu, là "Mọi", ta cũng đừng ham, đừng lo, đừng phán khởi, đừng thất vọng.

Kê tìm tòi, thoát tiên phải là một anh mù hoàn toàn, mà anh mù đó cũng không nên có ý định nào hết, trừ ý định tìm biết một sự thật mà y hoàn toàn mù tịt. Chỉ trong điều kiện đó, y mới mong đi tới một sự thật hoàn toàn không bị chính y bóp méo, hoặc không bị tài liệu gạt gẫm. Vâng, tài liệu rất gạt gẫm khi ta đang cố ý tìm nó. Ta thấy nó hơi phức vụ ta được, ta vội chụp ngay để mà dùng. Thế là ta bị mắc bẫy ngay bởi nó nói một đằng mà ta hiểu đằng khác vì ta đang quá cần nó nói theo ta, hề thấy bề ngoài hơi đúng ý muốn của ta là ta dùng liền để chứng minh cái gì ta đang cần chứng minh.

Sử gia Nguyễn Phương, tác giả *Việt Nam thời khai sinh*, chủ trương rằng (Tạp chí Đại học Huế số 37) phải có "*một cái nhìn tổng quát*", rằng "*những chi tiết là cần phải dùng để cho câu chuyện chứa đầy sự sống, chứ đại cuộc mới là việc quan trọng*".

Nhưng không hiểu về nguồn gốc của dân tộc khá lâu đời như dân tộc ta, sử gia và ta phải đứng tại đâu, trong thời gian, để mà có cái nhìn tổng quát nói trên?

Muốn có, hẳn phải lập ra trước một giả thuyết rồi đứng trên đó như "đứng trên đỉnh núi cao nhìn xuống một cách bao la" hình ảnh mà sử gia đã dùng.

Và sử gia và bao nhiêu người khác đã sai lầm là vì có cái nhìn tổng quát về một sự kiện vốn đang vô hình. Tìm về nguồn gốc các dân tộc thì phương pháp phải ngược hẳn lại, là lần dò từ các chi tiết nhỏ mà leo tới cái đỉnh nói trên. Khi cái nguồn gốc đó

không ai biết nó là gì, và ở đâu, vào thời nào, thì không làm sao mà tìm được một chỗ đứng cao hơn nó được, hầu có một cái nhìn tổng quát.

Sử gia lại chủ trương rằng “*Minh phải làm chủ sử liệu*”. Làm chủ sử liệu thế nào? Sử gia chưa bao giờ đối chiếu sọ Việt và sọ Hoa, nhưng sử gia lại làm chủ sử liệu và quả quyết rằng cái sọ Việt giống cái sọ Hoa. Đó là “*nắm các chi tiết dưới quyền điều khiển mạnh mẽ của mình*” (nguyên văn).

Vì điều khiển theo lối đó nên sử gia mới đi đến cái kết luận sai:

Việt = Hoa

Ông Lê Văn Siêu trong tạp chí *Tân Văn* số 21 và 22 năm 1970 cũng chủ trương giống như thế nhưng theo ông thì “*tìm ra chọn lý rồi tự cái chọn lý ấy dẫn đến cứu cánh ao ước*”.

Chính mối nguy là ở chỗ đó. Ta không nên ao ước một cứu cánh nào cả, vì hễ có ao ước là đã có mục đích sẵn rồi và chủ quan của ta luôn luôn xuôi ta thấy chọn lý nơi những cái không phải là chọn lý, chỉ vì cái đó phù hợp với ao ước của ta.

Ta ao ước được làm Tây chẳng? Mà nhà bác học O. Jansé thì đã chứng minh rằng ta là Hy Lạp vì những đồng đá bên đường ở Việt Nam giống hệt phong tục Hy Lạp. Ông ấy không có ao ước gì hết cho ta, mà còn nói liều như thế, nếu ta lại có ao ước, ta sẽ sai đến đâu?

Nhà bác học O. Jansé không biết rằng những đồng đá đó là tục của dân Dravidien ở Nam Ấn mà chúng tôi sẽ chứng minh rằng dân Dravidien là một chi của chủng Mã Lai cũng như dân ta không hề có dính líu đến Hy Lạp bao giờ cả.

Ta không ao ước gì cho Dravidien cả, cũng chẳng ao ước gì cho Việt Nam cả, nhưng nếu có những dấu vết Mã Lai trong xã hội Việt Nam ngày nay, chừng ấy ta mới dùng chúng tích những đồng đá bên đường để củng cố thêm những chứng tích Mã Lai về Mã Lai Việt, bằng không thì nên để yên các đồng đá đó cho thời gian xóa mất nó, chớ không thể kéo dân Hy Lạp xa xôi vào với dân Lạc Việt.

\*

\*   \*

Tinh thần khoa học rất cần trong một công việc khoa học, ai cũng biết thế, nhìn nhận rằng là đúng, nhưng thường thì người ta bị chủ quan và định kiến đưa vào chỗ lạc lối mà không hay biết.

Nhan sách, chúng tôi đề là như thế, là đề sau khi viết sách xong, chớ thật ra thì khi bắt tay vào việc, chúng tôi không có một ý kiến nào cả về nguồn gốc của tổ tiên ta, hay nói cho đúng ra là có, nhưng chúng tôi không nhận. Chúng tôi đã bị những ông H. Maspéro làm cho chúng tôi ngỡ rằng dân ta thuộc một chủng riêng biệt, phát tích tại chỗ, những ông L. Aurousseau làm chúng tôi ngỡ rằng ta là hậu duệ của Câu Tiễn, những ông Nguyễn Phương làm cho chúng tôi ngỡ rằng ta là Tàu thuần chủng, những ông Kim Định làm cho chúng tôi ngỡ rằng ta là con cháu của Thần Nông.

Nhưng rồi chúng tôi đều bất kể những ông ấy, tự tẩy não mình để học hỏi và tìm tòi với một cái đầu trống không thành kiến, và chúng tôi đã đi đến cái đích Mã Lai. Nhan sách, chừng ấy mới được viết ra, và chính chúng tôi là kẻ kinh ngạc đầu tiên về khám phá của chúng tôi.

\*

\*   \*

Các chương sách, viết xong, phải được sắp xếp lại cho có một trật tự hữu lý, một mạch lạc có khả năng dẫn dắt, thế nên người đọc có cảm giác y như là chúng tôi đã biết trước mình muốn đi tới đâu, và biết sẵn nơi xuất phát của mình, nhưng lúc làm việc thì không phải thế.

Trong thời gian làm việc, chỉ có những ghi chép xô bồ, ghi chép này không dính líu tới ghi chép khác, gặp gì đọc nấy, gặp chi tiết nào quan trọng thì giữ lại, chẳng biết để làm gì, sau thoáng thấy sự thật rồi, mới kiểm điểm và kiểm soát lại, rồi mới cho một trật tự thành hình.

\*

\*   \*

Như ngay trong chương đầu này mà chúng tôi lại có nói đến sách của giáo sư Kim Định là sách ra đời cuối năm 1970, trong khi chúng tôi bắt đầu học hỏi từ năm 1960 và bắt đầu làm việc thật sự từ năm 1964. Ấy là vì những đoạn nói về chuyện mới xảy ra khi sách được viết xong, lại được thêm vào, trước khi đưa cho nhà xuất bản, mà vì những đoạn ấy phải nằm ở chương I hoặc chương III, nên nó có vẻ kỳ cục vì sách viết từ năm 1964 mà ngay ở dòng đầu lại nói đến cuốn *Lịch sử thành lập đất Việt*, phát hành vào đầu năm 1971.

\*

\*   \*

Trí thức ta thường chỉ học có một môn, mà trong đó họ có thể đi rất sâu. Họ lỗi lạc trong môn đó. Nhưng có những ngành hoạt động đòi hỏi một cuộc tổng hợp của quá nhiều môn, thành thử ngành sử của ta không được tin cậy lắm vì nó thường phiến diện. Ngay như viết về thời vua Lê chúa Trịnh mà thiên hạ cũng cứ chỉ dựa vào đọc một nguồn tài liệu Trung Hoa mà bỏ sót nguồn khác phong phú hơn, là nguồn Tây phương, thì nói chi là thượng cổ sử nó đòi hỏi một trăm lần hơn thế.

Ngay ở trang đầu, chúng tôi đã ám chỉ đến quyển *Lịch sử thành lập đất Việt* của ba nhà trí thức Việt Nam. Đó là ba nhà trí thức uyên bác trong ngành địa chất học. Nhưng ở trang 97, ba tác giả đó lại viết: "Thời lịch sử dân tộc cách đây lối 10 ngàn năm".

Có lẽ ba tác giả muốn nói đến thời lịch sử của *loài người* tại đất Việt chăng, chớ tổ tiên ta thì đã có bằng chứng đích xác là họ chỉ mới di cư tới đây 5 ngàn năm mà thôi.



Nhưng chúng tôi xét ở một câu sau thì thấy ba soạn giả ấy đã lầm hết như đại chúng, chớ không phải chỉ ngộ nhận thường.

Đại chúng, những người tò mò, có đọc sách phổ thông về khảo tiền sử, cứ cho rằng dân ta cổ trên mười ngàn năm, vì khoa khảo tiền sử đã tìm thấy dấu vết loài người cổ trên mười ngàn năm tại đất Việt.

Y hệt như đại chúng Trung Hoa, họ cứ khoe rằng tổ tiên họ là “con người Bắc Kinh”, sống cách đây hơn ba trăm ngàn năm. Nhưng thật ra người Tàu thì chỉ mới xuất hiện ở nước Tàu già năm ngàn năm mà thôi.

Ba tác giả trên bản khoản tự hỏi: *“Làm thế nào để biết đích xác về đời sống của tổ tiên ta, khi người Pháp đã cho biết có nhiều dấu vết đáng kể như một số răng, xương, dụng cụ thô sơ, như một hòn đá hình trứng”* (trang 102).

Xin thưa rằng không, tổ tiên chúng ta di cư đến đây cách đây 5 ngàn năm thì đã văn minh hơn tác giả của những hòn đá hình trứng nhiều lắm. Đá trứng là dấu vết của chúng Mélanésien và Négritos, mà theo khoa chủng tộc học thì hai chủng đó không thể biến thành chủng của ta.

Đất nước ta đã qua tay rất nhiều chủ từ mười ngàn năm nay rồi, và chính vì thế mà biết nguồn gốc của tổ tiên ta mới là chuyện khó, chớ nếu xương sọ nào cũng là xương của tổ tiên ta hết thì tưởng nguồn gốc dân tộc, đã được biết chắc từ lâu, bởi chỉ với một cái xương quai hàm, các nhà bác học cũng có thể hình dung được đại khái chủ nhân xương ấy vóc dáng ra sao và sống một đời sống như thế nào rồi.

\*

\* \*

Như đã nói, khoa khảo tiền sử đã làm việc xong, cho biết đích xác là chúng Mã Lai từ Hoa Bắc di cư đến cổ Việt. Nhưng ở cổ Việt có đến năm bảy chủng khác nhau thay phiên nhau mà làm chủ, cho đến thời Mã Viện.

Nhà viết sử phải biết khoa chủng tộc học để xem người Việt hiện nay thuộc chủng nào trong năm bảy chủng đó, và phải kiểm soát bằng ngôn ngữ mà như thế thì phải học ít lắm là ba bốn chục sinh ngữ và cổ ngữ Á Đông, rồi cuộc kiểm soát phải được bỏ vôi qua các lãnh vực khác nữa như thượng cổ sử Ấn và Tàu, truyền thuyết Việt, những phong tục bí mật, của Việt và của các dân khác, chúng tôi nói đến phong tục bí mật, vì phong tục thường mà ai cũng thấy, sẽ đưa ta đến sai lầm, vì đó là những điều mà dân tộc A có thể vay mượn của dân tộc B. Giáo sư Nguyễn Phương đã lầm khi thấy ta có những điểm giống Tàu. Nhưng những điểm bí ẩn mà Tàu và ta khác nhau như đen với trắng thì giáo sư lại bỏ qua đi, vì không hay biết hay vì lẽ gì không rõ.

Chúng tôi viết quyển sách này sau khi đã quá thất vọng và không thấy sách nào về nguồn gốc dân tộc mà ta ổn cả. Ban đầu, chúng tôi chỉ học để mà biết vậy thôi, cho thỏa cái tánh tò mò, nhưng rồi chúng tôi tự hỏi sao lại không ghi lên giấy những gì mình khám phá được, công bố ra thử xem có đúng hay không bởi sách này sẽ bị người khác mổ xẻ, và sự thật nhờ thế mà xuất hiện ra lần lần.

Tất cả những thuyết mà chúng tôi cho là không đúng, đều đã giúp ích cho chúng tôi rất nhiều thì những trang sách của chúng tôi mà có sai đi nữa cũng sẽ giúp ích cho ai đó.

Cho tới nay, 1964, ta có thể nói rằng một quyển thông sử Việt Nam, cho dầu là lược biên như *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, cũng chưa nên viết. Những *Đại Việt sử ký toàn thư ngoại kỷ* của Ngô Sĩ Liên, *Khâm Định Việt sử* của sử quán triều Nguyễn, những *Việt Nam sử lược* của Trần Trọng Kim, đáng lý gì chưa nên viết, bởi ta còn thiếu những quyển sử dứt khoát cho từng vấn đề một.

Đối với một dân tộc khá lâu đời như dân tộc ta thì *Sử ký* gồm hàng vạn vấn đề, thí dụ: **Nền kinh tế dưới triều Lý. Y phục dân chúng Việt Nam dưới triều Đinh, Chế độ thi cử dưới triều Trần**, mỗi vấn đề tạm gọi là nhỏ như thế, cần được hàng vài mươi cuốn sử khai thác, để cho không còn gì mờ ám trong đó nữa.

Nếu người viết thông sử tự mình làm lấy tất cả thì người ấy phải bỏ ra ít lắm là 80 năm làm việc mà không phải làm gì khác hơn là khảo sử và viết sử. Không ai có đủ điều kiện tài chánh và sức khoẻ để làm như vậy hết, kể cả ở các nước gọi là tân tiến. Ở các nước ấy người viết thông sử vẫn phải tham khảo các bộ sử cho từng vấn đề nói trên.

Chúng tôi thấy nhà xuất bản Presses universitaires de France cho xuất bản một quyển sử như thế này: **Giá rau, cải ở Bá Lê từ năm 1468 đến năm 1683**. Có kinh hồn chưa?

Cố đạo L. Cadière, một tay kiện tướng trong ngành khảo cổ ở Việt Nam có nói, sau khi viết xong bài *"Nghiên cứu về Lũy Thầy"*: *Khi mà hàng trăm người làm xong những công việc nhỏ nhỏ như thế này rồi thì những người khác sau này mới có thể viết một bộ sử cho Annam (1906)*.

Câu nói tưởng như không có gì trên đây của L. Cadière chỉ dám viết về từng vấn đề một như thế mà thôi, chẳng hạn: *"Những di chỉ lịch sử ở Quảng Bình"*, chẳng hạn *"Nghiên cứu về các sử liệu của Việt sử"*, chẳng hạn *"Niên biểu các triều đại Annam qua lịch sử"*.

Cố đạo đã bỏ ra đến ba năm để nghiên cứu về cái Lũy Thầy đó, mà trong nước ta, có hàng vạn cái cần phải nghiên cứu như thế, nên chỉ qua đời năm 80 tuổi, L. Cadière vẫn chưa dám viết một bộ Việt sử lược mà ông mơ ước.

Thế nên những thông sử đã có, đầy dẫy sai lầm và mơ hồ, càng xưa càng sai hơn, thậm chí những quyển thông sử viết sau năm 1945 mà còn bất chấp đến những phát kiến mới, ở trong nước và ở nước ngoài, về Việt sử, thì nói chi những quyển sách viết năm 1920, 1930, 1940. Các ông viết thông sử không kể đến phát kiến mới thì là lỗi ở các ông, nhưng có ông nào muốn kể đến, cũng không thể kể được, bởi ta quá thiếu về loại sử cho từng vấn đề nói trên.

Chúng tôi thấy rằng trong tình thế nghèo nàn của ta hiện nay thì ai có tài liệu gì về vấn đề nào, xin cứ viết ra, như vậy chừng 100 năm nữa thì một bộ sử lược Việt Nam tương đối không sai, có thể viết được. Bằng không thì không biết tới đời kiếp nào ta

mới có thông sử đúng và học trò cứ tiếp tục phải học chuyện sai, bởi các nhà soạn sử cho học trò tất phải bằng vào những quyển thông sử viết sai hiện có.

Ngày lễ Hai Bà Trưng, ta thấy ban tổ chức, cho hai Bà mặc áo vàng rực rỡ, bịt khăn màu rất đẹp, chỉ vì ban tổ chức đã dựa vào những quyển thông sử sai.

Ít có quyển sử nào viết đúng về thời đó cả mà các ban tổ chức nghi lễ thì đâu có bốn phạm khảo sử kỹ hơn sử gia.

Những quyển sử cho từng vấn đề, đã quá ít mà riêng vấn đề nguồn gốc dân tộc thì chỉ có 2 quyển, là quyển của sử gia Nguyễn Phương và của Đào Duy Anh, vừa đây có thêm một triết thuyết của giáo sư Kim Định, dựa trên một giả thuyết về nguồn gốc dân tộc ta.

Địa hạt thượng cổ sử ít người để chọn tới vì đó là địa hạt học búa, sử liệu quá ít nên phải học quá nhiều môn phụ thuộc, thành thử chỢ ế khách. Nhưng chính vì thiên hạ chê mà ta có bốn phạm dán thân vào để bổ túc hoặc đính chánh những công trình hiếm hoi của vài sử gia lựa thưa.

Sau ông L. Arousseau 32 năm, năm nay, năm 1964, chúng ta lại vẫn còn phải nói gần gần như là ông đã nói.

Chúng tôi không ngại viết sử dở, mà viết sai cũng không phải lo, bởi vì:

*“Trong lãnh vực cổ sử cũng như trong các lãnh vực khác, sự khảo cứu không mãi mãi đứng yên một chỗ mà tiến triển không ngừng, những thủ đắc của người trước nếu không là điểm tựa cho người sau tiến lên thì cũng là chính đề để người sau xây dựng phản đề. Nhất là khi gặp những nghi vấn lịch sử, ý kiến của những người đối lập càng cần được đem ra kiểm soát, phê bình, để biện minh cho ý kiến của chính mình”.*

Trần Viên

Tạp chí *Bách Khoa*, số 205, 15.7.1965

Nếu quyển sách nhỏ này mà có chừng một trang giúp ích được vào việc nghiên cứu cổ sử Việt Nam của người sau, thì cũng không uổng công chúng tôi đã bỏ ra một chục năm học hỏi.

Trong sách này chúng tôi thường có dịp phê bình và công kích những nhà bác học Tây phương làm việc khảo cứu cho xứ ta. Nhưng xin đừng tưởng rằng chúng tôi sượng miệng lắm khi làm như vậy, nhất là đối với ông H. Maspéro.

Ông H. Maspéro, trở về già, đã gia nhập kháng chiến bí mật chống Đức trong trận thế chiến thứ II, và đã bị Đức quốc xã ngược đãi đến chết. Đối với chúng tôi, ông là một bậc anh hùng.

Nhưng chúng tôi phải vì sự thật khoa học, biết sao giờ!

Họ giỏi hơn ta quá nhiều, họ phân biệt được một đồng tiền nhà Chu thật với một đồng tiền nhà Chu giả thì tưởng ta khó mà làm một mình cái công việc mà họ đã làm, nhưng vì không biết vài yếu tố nào đó mà họ sai, ta vẫn phải vạch rõ, và công việc kiểm soát của ta, không có nghĩa là phụ ơn họ.

Cố đạo L. Cadière thường nói: “Chúng tôi không có tham vọng viết sử, chúng tôi chỉ có lời ra ánh sáng và thu thập cho thật nhiều tài liệu vững để dành cho các sử gia đời sau”.

Đó là một câu nói khiêm tốn thật sự chứ không giả, và tả đúng tinh thần làm việc của người Tây phương. Nội cái chương trình hạn định ấy, đã là một công trình vĩ đại rồi, và ba tờ tạp chí *B.E.F.E.O.* – *B.S.E.I.* – *B.A.V.H.* là kho tàng vô giá của dân tộc ta vậy. Nếu thỉnh thoảng các ông có thử viết sử, mà có viết sai đi nữa cũng chẳng sao, và công phu của các ông, ta không bao giờ quên, và trái lại còn cần nói lớn lên lòng tri ân của ta đối với các ông.

Trong địa hạt khoa học, bài bác nhau, không hề có nghĩa là không ưa nhau hay thù nghịch nhau, và chính từ các cuộc bài bác, sự thật mới xuất hiện ra được.

\*

\* \*

Ở mấy chương trước chúng tôi có nói đến cái bí của các ông Tây về Đông Sơn và chúng tôi sẽ theo phương pháp học để tìm những cái khoen trung gian cần thiết.

Nhưng như đã nói, Đông Sơn là một cuộc sa lầy, nguồn gốc dân tộc ta làm sao mà nằm tại giai đoạn đó được.

Tuy nhiên, việc học hỏi ấy, không phải là đáng vứt đi, vì nó soi sáng giai đoạn giữa. Ta ngược dòng thời gian nhưng rồi cũng phải xuôi dòng thời gian để đi đến những cái bến đích xác. Một cái bến đó là thời Mã Viện chứ không phải là thời Lộ Bác Đức như ông L. Arousseau đã nói. Từ năm 111 T.K. đến năm Mã Viện, sử ta còn mơ hồ nhiều lắm, và đã bị ông L. Arousseau làm cho rối loạn thêm chính vì ông tưởng rằng nó đã rõ, theo lối hiểu sử Tàu quá sai lầm của ông.

Đông Sơn là giai đoạn nằm trước thời Hai Bà Trưng đúng 31 năm.

Biết rõ Đông Sơn không thể biết nguồn gốc dân tộc ta, nhưng vẫn biết rõ được một thời vài trăm năm, vào giai đoạn trung điệp.

\*

\* \*

Người làm loại sách này không thể cả tham, vừa phổ thông, vừa khảo cứu thật sự, nên y phải hy sinh tinh thần phổ thông, nói tắt về rất nhiều điểm được xem như là người trong giới đã biết rõ cả rồi, thành thử đối với người không theo dõi vấn đề, có đôi chỗ hơi tối.

Chẳng hạn những cuộc khai quật ở Đông Sơn, chúng tôi chỉ ám chỉ đến mà thôi chứ không kể rõ lại.

Về xuất xứ tham khảo thì chúng tôi cũng chỉ ghi xuất xứ của những trích dẫn mà chưa ai dùng làm chứng tích. Những trích dẫn khác vẫn được ám chỉ đến, nhưng cũng kể như là đã được phổ biến rồi, thì xin không kể ra đầy đủ và dài dòng về tác giả và về sách được trích dẫn.

Làm như thế cốt để tia bút sự rườm rà cho một trang sách đỡ nặng, chớ không có gì lạ.

Chúng tôi chỉ trích nguyên văn khi nào một câu sử có chứa đựng một hoặc vài dòng chữ mà toàn thể người đọc đều cần, để nghiên ngẫm chớ không phải trích nguyên văn tất cả mọi tham khảo.

Nhưng những biểu chỉ số sọ, có biểu tượng như không cần thiết lại cũng được cho in hết cả ra đây, vì các biểu chỉ số sọ là tài liệu hiếm mà người khác có thể cần, không như *Sử ký*, *Tiền Hậu Hán thư* mà bất kỳ ai muốn mua giò nào cũng có tại Chợ Lớn.

Chứa đựng của quyển sách này là trình ra những gì chưa có sách nào nói, hoặc bác bỏ những gì của các sách khác mà chúng tôi tưởng là sai lầm, chớ không giẫm chơn lên những công trình của người trước.

Thành thử lắm chương rất là ngắn, bởi vấn đề đã được sách khác nghiên cứu kỹ rồi, chúng tôi chỉ đưa ra một bằng chứng mới để bác bỏ thì không cần dài làm gì.

Quyển sách này chia ra làm hai phần, tuy không có biên giới rõ rệt, nhưng vẫn thấy được. Hai phần ấy nằm rải rác khắp quyển sách chớ không phải phần đầu và phần cuối của tác phẩm.

Chúng tôi, một mặt bác bỏ những thuyết sai lầm của người khác, một mặt trình ra những sự thật khoa học.

Cái phần bác bỏ ấy có vẻ như là bút chiến, khiến chúng tôi rất khổ tâm, nhưng không thể tránh, vì có những điều sai mà được cả nước đều tin từ lâu năm, thì phải hò hét cho to, như về vụ Anh-Đô-Nê-Diêng chẳng hạn.

Tuy nhiên, khoa học vẫn không cấm bút chiến. Giới khoa học bút chiến với nhau bằng sách và bằng tạp chí là điều thường thấy, chớ không phải chỉ có báo hằng ngày mới là có bút chiến mà thôi.

Nhưng xin quý vị đừng xem đây là bút chiến. Chúng tôi không cố ý bút chiến với vị nào hết, nhưng cần phải vạch những điểm sử sai ra, cho trống đường, hầu khoa học tiến tới, chỉ có thể thôi.

Tài liệu tham khảo riêng cho chương này:

O. Jansé: Arehaco logical Research in Indo China, H.Y.I 1947

V. Goloubew: La maison Dongsonienne, BEFEO 1938

V. Goloubew: Le peuple de Đông Sơn, Toulouse 1936

V. Goloubew: Le Tambour de métaltique de Hoàng Hạ, BEFEO 1934

H. Parmentier: Anciens tambours de bronze, BEFEO 1908

L. Bezacier: Découvertes archéologiques au Tonkin, Paris 1946

Nguyễn Phương: Việt Nam thời khai sinh, Huế 1915

Lê Văn Hào: Hành trình vào dân tộc học, Saigon

R. Grousset: Histoire de l'Asie T. II, Paris 1925

Nguyễn Siêu: Phương Đình dư địa chí, Saigon

Lê Văn Siêu: Việt Nam văn minh sử cương, Saigon

Những trích dẫn *Phù Nam Ký*, *Lâm Ấp Ký*, *Thủy Kinh Chú Giao Châu ngoại việc ký* của  
A. Stein (Tạp chí Hán học), Bắc Kinh 1947

G. Coedès: Les peuples de la péninsule Indochinoise, Paris 1962

H. Maspéro: Études d'histoire d'Annam (Le royaume de VanLang), BEFEO 1918

L. Arousseau: La première conquête chinoise des pays annamites, 1923 (Notes sur  
les origines du peuple annamite)

P. Liston ; J. Millot: Les races humaines, Paris 1936

H.V. Vallois: Les races humaines, Paris 1914

Cl. Madrolle: Le Tonkin ancien, BEFEO 1933

Lê Chi Thiệp: Gốc tích dân tộc Việt Nam, Saigon

Phạm Văn Sơn: Việt sử tân biên, Saigon

Kim Định: Việt lý tố nguyên, Saigon

Nguyễn Phương: Tạp chí Đại học, Huế

Phạm Việt Châu: Trăm Việt trên dòng định mệnh (Tạp chí Bách khoa), Saigon

Lê Văn Siêu: Tạp chí Tân Văn, Saigon

L. Cadière: Toàn bộ B.A.V.H., Saigon

Phạm Việp: Hậu Hán thư, N.T.N.S.